

LỜI CẢM ƠN

Để có được thành quả như ngày hôm nay tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới các thầy giáo, cô giáo trong khoa Văn hóa Du lịch - Trường Đại học dân lập Hải Phòng. Các thầy cô là những người đã hết lòng dìu dắt, dạy dỗ, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm quý báu cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Đặc biệt tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Vũ Thị Thanh Hương, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ bảo tôi trong suốt quá trình làm khóa luận đến khi hoàn thành.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các cô chú, anh chị tại Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Ninh Bình, UBND huyện Hoa Lư... gia đình và bạn bè đã giúp đỡ, động viên, khuyến khích tôi cả về vật chất và tinh thần để có thể hoàn thành khóa luận một cách tốt nhất.

PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà ở cả các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Việc đầu tiên khi tập trung phát triển du lịch là phải nhận diện tiềm năng du lịch. Du lịch là ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch càng phong phú đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả của hoạt động du lịch càng cao bấy nhiêu. Do vậy việc tìm hiểu đánh giá tài nguyên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát triển du lịch.

Ninh Bình là một tỉnh cực nam của đồng bằng Bắc Bộ, có vị trí địa lý và hệ thống đường sắt, đường bộ, đường thủy rất thuận tiện cho giao lưu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Đặc biệt Ninh Bình nằm ở vùng cửa ngõ miền Bắc Việt Nam cách thủ đô Hà Nội 93km là một trong những trung tâm du lịch lớn nhất cả nước.

Vùng đất Ninh Bình là kinh đô của nước Việt thế kỉ X mảnh đất gắn với sự nghiệp của 6 vị vua thuộc 3 triều đại Đinh, Lê, Lý với những dấu ấn lịch sử: Thống nhất giang sơn, đánh Tống – dẹp Chiêm và phát tích quá trình định đô ở Hà Nội. Với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước đã tạo nên Ninh Bình thành một vùng đất thiêng, nơi phát tích của nhiều danh nhân, anh hùng dân tộc như: anh hùng dân tộc Đinh Bộ Lĩnh, Trương Hán Siêu... Đây cũng là miền đất cội nguồn, là kho tàng của văn hóa dân gian đặc sắc của miền đồng bằng Bắc Bộ, với những làn điệu hát chèo, hát chầu văn cùng với những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng như: Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm. Với nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn đặc sắc đó đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch tỉnh thành một ngành kinh tế quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã thông qua phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của nhiệm kỳ 2010-2015 trong đó có các mục tiêu, giải pháp về phát triển du lịch: Đưa kinh tế du lịch vào thời kì tăng tốc để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vì vậy mà trong

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

những năm gần đây du lịch Ninh Bình đã có nhiều khởi sắc, hoạt động kinh doanh du lịch từng bước được mở rộng, cơ sở vật chất được tăng cường, các chỉ tiêu cơ bản về khách và doanh thu đều tăng, nộp ngân sách năm sau tăng hơn năm trước góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, kết quả hoạt động du lịch đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, chất lượng dịch vụ chưa cao, khách lưu trú đặc biệt là khách quốc tế còn thấp. Ninh Bình thiếu các khu nghỉ dưỡng, khách sạn, các khu vui chơi giải trí cao cấp mang tầm cỡ quốc tế. Bên cạnh đó còn nhiều vấn đề bất cập đặt ra đối với việc quản lý, sử dụng, khai thác các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan môi trường cần được nghiên cứu đầu tư để có thể phát triển một nền du lịch bền vững. Chính vì vậy việc đánh giá tài nguyên nhân văn tỉnh Ninh Bình là rất cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giới hạn của đề tài

1.2.1. Mục tiêu

Vận dụng cơ sở lý luận về du lịch, tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch nhân văn để đánh giá tài nguyên và thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn ở tỉnh Ninh Bình để từ đó đề ra những giải pháp nhằm khai thác hiệu quả Tài nguyên du lịch nhân văn cho phát triển du lịch tỉnh.

1.2.2. Nhiệm vụ của đề tài

- Tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về Tài nguyên du lịch nhân văn.
- Điều tra tổng thể tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình.
- Đánh giá Tài nguyên du lịch nhân văn và thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh.
- Đề ra các giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ phát triển du lịch tại Ninh Bình.

1.2.3. Giới hạn của đề tài

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các tài nguyên du lịch nhân văn có liên quan và ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động du lịch của tỉnh.

1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Là các Tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình bao gồm:

- Các di tích lịch sử văn hóa
- Lễ hội truyền thống
- Nghệ thuật ẩm thực
- Làng nghề thủ công truyền thống
- Nghệ thuật dân gian truyền thống
- Văn hóa ứng xử

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu

1.3.2.1. Phương pháp hệ thống

Nghiên cứu các tài nguyên du lịch nhân văn một cách toàn diện và đưa ra mối quan hệ giữa các thành phần của hệ thống tức là đưa ra những ảnh hưởng của tài nguyên du lịch nhân văn tới việc khai thác nguồn lợi du lịch theo một hệ thống có mối quan hệ nhân quả, phụ thuộc.

1.3.2.2. Phương pháp tổng hợp

Thông qua thực địa và tham khảo tài liệu về tài nguyên du lịch nhân văn sẽ tiến hành chọn lọc, đánh giá, tổng hợp thành một chỉnh thể từ đó có thể đánh giá các tài nguyên du lịch nhân văn một cách tương đối toàn diện.

1.3.2.3. Phương pháp phân tích so sánh

Thông qua việc phân tích thế mạnh, hạn chế của các loại tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh Ninh Bình sẽ tiến hành so sánh với các tài nguyên nhân văn, với môi trường tương quan trong cả nước và một số vùng tiêu biểu để đánh giá những giá trị của tài nguyên đó chính xác và khách quan nhất.

1.3.2.4. Phương pháp bản đồ, biểu đồ

Dùng phương pháp bản đồ nhằm thể hiện sự phân bố của các đối tượng tài nguyên du lịch nhân văn, sự liên hệ giữa các đối tượng trong không gian cũng chính là mối liên hệ của các tuyến du lịch trong quá trình tạo tuyến. Dùng phương pháp này còn nhằm thể hiện những biến động các yếu tố du lịch.

1.4. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận và một số phụ lục khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn

Chương 2: Điều tra và đánh giá Tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình

Chương 3: Định hướng phát triển và một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Du lịch và tài nguyên du lịch

1.1.1. Quan niệm về Du lịch

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại Du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay Du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống xã hội của cả nước. Về mặt kinh tế, Du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước công nghiệp phát triển. Đối với các nước đang phát triển du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế ốm yếu của quốc gia.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về du lịch tiêu biểu là:

Theo sách Địa Lý Du Lịch của tác giả Nguyễn Minh Tuệ: “Du lịch là một hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức-văn hóa hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hóa”

Điều 4 của luật Du lịch định nghĩa: “Du lịch là hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”

1.1.2. Quan niệm về tài nguyên du lịch

1.1.2.1. Quan niệm về tài nguyên

Tài nguyên du lịch là một dạng đặc biệt của tài nguyên. Do vậy trước khi tìm hiểu về tài nguyên du lịch, chúng ta cần làm rõ quan niệm về tài nguyên:

Theo Phạm Trung Lương định nghĩa: “Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng và thông tin có trên trái đất và trong không gian vũ trụ liên quan mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình”

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh: “Tài nguyên là tất cả những nguồn thông tin, vật chất, năng lượng được khai thác phục vụ cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên, những khả năng của loài người...được sử dụng cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng”

1.1.2.2. Quan niệm về tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ.

Tài nguyên du lịch bao gồm những thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn có thể được sử dụng cho dịch vụ du lịch và thỏa mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay du lịch.

Tài nguyên du lịch theo Pirojnik: “Tài nguyên du lịch là những tổng thể tự nhiên, văn hóa-lịch sử và những thành phần của chúng tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, trong cấu trúc du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế, kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”

Nguyễn Minh Tuệ định nghĩa: “Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa-lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.”

Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du

lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”

- Vai trò của tài nguyên du lịch đối với hoạt động du lịch

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để tạo thành sản phẩm du lịch. Trong các hệ thống lãnh thổ du lịch, tài nguyên du lịch là những phân hệ giữ vai trò quan trọng và quyết định sự phát triển của hệ thống lãnh thổ du lịch. Đặc biệt tài nguyên du lịch có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với các phân hệ khác và với môi trường kinh tế - xã hội. Do vậy tài nguyên du lịch là một nhân tố quan trọng hàng đầu để tạo nên sản phẩm du lịch.

Để hấp dẫn và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, các sản phẩm du lịch cũng cần phải đa dạng, phong phú, đặc sắc và mới mẻ. Chính sự phong phú, đa dạng và đặc sắc của tài nguyên du lịch tạo nên sự đa dạng hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Số lượng, chất lượng, sự kết hợp giữa các loại tài nguyên cùng sự phân bố của tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng hấp dẫn khách du lịch và có mối quan hệ chặt chẽ ảnh hưởng đến việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực du lịch. Tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng mang tính quyết định để tạo nên quy mô, số lượng, chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tổ chức, phân chia theo nhiều cấp phân vị khác nhau như: khu du lịch, điểm du lịch, trung tâm du lịch, tiểu vùng du lịch, vùng du lịch. Dù ở cấp độ nào việc tổ chức quy hoạch phát triển du lịch cần phải nghiên cứu phát triển các phân hệ du lịch cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nguồn lao động du lịch, kết cấu hạ tầng phải phù hợp với tài nguyên du lịch. Việc tổ chức đón lượng khách du lịch như thế nào cũng phụ thuộc vào số lượng và chất lượng của tài nguyên du lịch.

Như vậy dù ở phân vị nào thì tài nguyên du lịch luôn là những phân hệ quan trọng bậc nhất mang tính quyết định trong việc tổ chức phát triển du lịch và là yếu tố cơ bản của hệ thống lãnh thổ du lịch.

Hiệu quả phát triển du lịch của các hệ thống lãnh thổ du lịch phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên du lịch. Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch mỗi doanh

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

nghiệp, địa phương và mỗi quốc gia khi tiến hành quy hoạch phát triển du lịch, xây dựng các chiến lược, chính sách phát triển du lịch cần phải điều tra đánh giá xác thực nguồn tài nguyên du lịch, đồng thời cần thực thi các chính sách, chiến lược, giải pháp quản lý, bảo vệ, tôn tạo, phát triển và khai thác nguồn tài nguyên du lịch hợp lý, đúng đắn và hiệu quả theo quan điểm phát triển du lịch bền vững.

1.1.3. Tài nguyên du lịch nhân văn

1.1.3.1. Định nghĩa Tài nguyên du lịch nhân văn

Theo luật du lịch: “Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

1.1.3.2. Đặc điểm của Tài nguyên du lịch nhân văn

Nhóm Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra hay nói cách khác nó là đối tượng và hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho tài nguyên du lịch nhân tạo có những đặc điểm rất khác biệt đó là:

- Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu các đối tượng nhân văn diễn ra trong thời gian rất ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến du lịch người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân tạo thích hợp nhất đối với loại hình du lịch nhận thức.

- Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hóa cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

- Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn. Chúng ta đều biết các thành phố lớn lại là đầu mối giao thông nên rõ ràng việc tiếp cận với nguồn tài nguyên này dễ dàng hơn nhiều. Khi đến thăm nguồn tài nguyên nhân tạo có thể sử dụng cơ sở vật chất đã được xây dựng trong các điểm quần cư mà không cần xây thêm cơ sở riêng.

- Tài nguyên du lịch nhân văn đại bộ phận không có tính mùa, không bị

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác.

- Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Nó gây nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân tạo.

- Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn. Các giai đoạn được phân chia như sau: Thông tin-Tiếp xúc-Nhận thức-Đánh giá nhận xét.

1.1.3.3. Phân loại tài nguyên nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn có thể chia làm hai nhóm:

- Nhóm tài nguyên du lịch nhân văn vật thể gồm các đối tượng văn hóa, thể thao và các hoạt động nhận thức khác.

- Nhóm tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể gồm các loại hình văn hóa dân gian, nghệ thuật truyền thống, văn hóa ẩm thực, văn hoa ứng xử.

Ý nghĩa của các loại tài nguyên như sau:

- Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử-văn hóa

Đây được coi là một trong những tài nguyên du lịch quan trọng. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử văn hóa gắn liền với môi trường xung quanh...bảo đảm sự sinh động của quá khứ đã nhào nặn nên chúng và bảo đảm cho khung cảnh cuộc sống sự đa dạng của xã hội. Qua các thời đại, những di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử-văn hóa đã minh chứng cho những sáng tạo to lớn về văn hóa, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ, khôi phục và tôn tạo những vết tích hoạt động của loài người trong các thời kỳ lịch sử, những thành tựu văn hóa, nghệ thuật...không chỉ là nhiệm vụ lớn của nhân loại trong thời kỳ hiện đại mà còn giá trị rất lớn với mục đích du lịch.

Ngày nay, Liên hiệp quốc đã đưa ra công ước quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên, trên 100 nước trong đó có Việt Nam đã tham gia ký công ước này và trên cơ sở đó đã thành lập Hội đồng di sản thế giới (WHO). Các di sản của nhân loại ở các nước muốn được xếp hạng là di sản thế giới phải đáp ứng những tiêu chuẩn nhất định do WHO đưa ra. Hàng năm WHO họp một lần vào tháng 12 để xét duyệt và công nhận di sản.

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Việc một di sản quốc gia được công nhận, tôn vinh là di sản thế giới mang lại nhiều ý nghĩa. Tầm vóc giá trị của di sản được nâng cao, đặt nó trong mối quan hệ có tính toàn cầu. Các giá trị văn hóa, thẩm mỹ cũng như các ý nghĩa kinh tế, chính trị vượt khỏi phạm vi một nước. Khả năng thu hút khách du lịch và phát triển dịch vụ sẽ to lớn hơn nhiều.

- Các di tích lịch sử - văn hóa:

Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

Di tích lịch sử văn hóa là tài sản văn hóa quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực và cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi đất nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hóa có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

- Các lễ hội:

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, vào bất cứ mùa nào cũng có những ngày lễ hội. Lễ hội tạo nên bức thảm muôn màu, mọi sự ở đó đều đan quyện vào nhau, thiêng liêng và tràn trề, nghi lễ và hồn hậu, truyền thống và phóng khoáng, của cải và khốn khổ, cô đơn và kết đoàn, trí tuệ và bản năng.

Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho con người hành hương về với cội rễ, bản thể của mình. Trong kho báu các di sản của quá khứ để lại cho hôm nay các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Vì thế mà các lễ hội dân tộc lành mạnh không bị mất đi mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả về hình thức và nội dung. Các lễ hội có sức hấp dẫn du khách không kém gì các di tích lịch sử - văn hóa.

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Lễ hội gồm hai phần chính là phần lễ và phần hội:

- Phần nghi lễ: các lễ hội dù lớn hay nhỏ đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian.

Nghi thức tế lễ nhằm bày tỏ lòng tôn kính với các bậc thánh hiền và thần linh, cầu mong được thiên thời, địa lợi, nhân hòa và sự phồn vinh hạnh phúc.

Nghi lễ tạo thành nền móng vững chắc, tạo một yếu tố văn hóa thiêng liêng, một giá trị thẩm mỹ đối với toàn thể cộng đồng người đi hội trước khi chuyển sang phần xem hội.

- Phần hội diễn ra những biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hóa dân tộc chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó đối với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên. Trong hội thường có những trò vui, những đêm thi nghệ, thi hát, tượng trưng cho sự nhớ ơn và ghi công của người xưa. Tất cả những gì tiêu biểu cho một vùng đất, một làng xã được mang ra phô diễn, mang lại niềm vui vho mọi người. Phần hội thường gắn liền với tình yêu, giao duyên nam nữ nên có phong vị tình.

- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

Làng nghề là cả một môi trường văn hoá - kinh tế - xã hội và công nghệ truyền thống lâu đời. Nó bảo lưu những tinh hoa nghệ thuật và kĩ thuật truyền từ đời này sang đời khác, chung đúc ở các thế hệ nghệ nhân tài năng, với những sản phẩm có bản sắc riêng của mình, nhưng lại tiêu biểu và độc đáo của cả dân tộc Việt Nam. Môi trường văn hoá làng nghề là khung cảnh làng quê, với cây đa bến nước, đình chùa, đền miếu..., các hoạt động lễ hội và hoạt động phường hội, phong tục tập quán, nếp sống đậm nét dân gian và chứa đựng tính nhân văn sâu sắc. Làng nghề truyền thống từ lâu đã làm phong phú thêm truyền thống văn hoá Việt Nam.

Những sản phẩm thủ công mỹ nghệ không chỉ là những vật phẩm sinh hoạt bình thường hàng ngày, mà một số còn là những tác phẩm nghệ thuật biểu trưng

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

của nền văn hoá xã hội, mức độ phát triển kinh tế, trình độ dân trí của dân tộc.

Nghề thủ công truyền thống là những nghề mà bí quyết về công nghệ sản xuất ra các sản phẩm mang những giá trị thẩm mỹ, tư tưởng triết học, tâm tư tình cảm của con người.

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất mà các nghệ thuật hay còn gọi là bí quyết nghề nghiệp do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ, phát triển và truyền từ đời này sang đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc ở cùng làng bản. Nghề thủ công truyền thống là nghề mà các công đoạn sản xuất tạo ra sản phẩm chủ yếu bằng các công cụ sản xuất thô sơ và bằng tài nghệ tinh xảo, khéo léo của các nghệ nhân. Các sản phẩm của các nghề thủ công cổ truyền không những mang những giá trị sử dụng mà còn có giá trị về mỹ thuật, giá trị triết học, tâm linh thể hiện tài nghệ, tâm tư, ước vọng của người làm ra chúng.

Chính vì vậy nghệ thuật sản xuất hàng thủ công cổ truyền và các làng nghề thủ công truyền thống là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn quý giá hấp dẫn du khách nhất là du khách quốc tế đến từ các quốc gia công nghiệp phát triển nơi mà nghề và làng nghề thủ công truyền thống đã bị mai một nhiều.

Văn hóa mang tính lan tỏa và trao truyền, những nghề thủ công thường do những nghệ nhân dân gian sáng tạo ra, họ được tôn làm tổ nghề. Do tính hữu ích và giá trị văn hóa của nghề thủ công truyền thống nên nhiều người trong cùng một huyết thống hoặc gần gũi nhau trong một cộng đồng, họ trao truyền cho nhau, học hỏi nhau bí quyết nghề nghiệp. Do vậy theo dòng chảy lịch sử nhiều nước trên thế giới và ở nước ta đã hình thành và bảo tồn được những làng nghề thủ công truyền thống.

Trong quá trình sản xuất và sinh sống nhiều truyền thống văn hóa đặc sắc của làng nghề thủ công truyền thống đã được hình thành, bồi đắp, bảo tồn như: những quy định, hương ước của làng, truyền thống văn hóa ứng xử, văn hóa nghệ thuật. Khi kinh tế phát triển đời sống của người dân được nâng cao là những điều kiện để xây dựng các di tích lịch sử văn hóa...

Khi du khách đến thăm quan nghiên cứu ở các làng nghề thủ công truyền thống họ không chỉ tìm hiểu, thưởng thức những giá trị nghệ thuật, sản xuất

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

nghe, mua những sản phẩm thủ công mà còn là dịp để du khách có thể tìm hiểu, trải nghiệm, hưởng thụ những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của mỗi địa phương.

- Văn hóa ẩm thực

Ăn uống là nhu cầu thiết yếu không thể thiếu được đối với mỗi người. Nhưng khi nói tới văn hóa ẩm thực hay nghệ thuật ẩm thực thì không chỉ nói tới nhu cầu ăn no, ăn đủ mà nói tới cái đẹp, nghệ thuật chế biến món ăn, không gian, thời gian ăn uống, cách ăn uống của con người, quan niệm triết học và nhu cầu ăn uống được nâng lên thành nghệ thuật.

Mỗi một vùng đất, một quốc gia có điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử phát triển kinh tế-xã hội, văn hóa riêng nên cũng có nhiều món ăn, đồ uống, đặc sản riêng. Nghệ thuật ẩm thực là giá trị văn hóa của mỗi quốc gia được sáng tạo, bảo tồn, bồi đắp qua nhiều thời đại, là dấu ấn của mỗi vùng đất với du khách.

Khi đi du lịch du khách không chỉ mong muốn được đáp ứng nhu cầu đi lại, mua sắm... mà còn muốn nâng cao nhận thức giá trị nghệ thuật ẩm thực của những quốc gia khác.

Việt Nam là một nước nông nghiệp thuộc về xứ nóng, vùng nhiệt đới gió mùa. Chính các đặc điểm văn hóa, dân tộc, khí hậu đã quy định những đặc điểm riêng của ẩm thực Việt Nam. Đây là một văn hóa ăn uống sử dụng rất nhiều loại rau (luộc, xào, làm dưa, ăn sống); nhiều loại nước canh đặc biệt là canh chua, trong khi đó số lượng các món ăn có dinh dưỡng từ động vật thường ít hơn. Những loại thịt được dùng phổ biến nhất là thịt lợn, bò, gà, ngan, vịt, các loại tôm, cá, cua, ốc, hến, trai, sò v.v. Những món ăn chế biến từ những loại thịt ít thông dụng hơn như chó, dê, rùa, thịt rắn, ba ba thường không phải là nguồn thịt chính, nhiều khi được coi là đặc sản và chỉ được sử dụng trong một dịp liên hoan nào đó với rượu uống kèm.

Người Việt cũng có một số món ăn chay theo đạo Phật được chế biến từ các loại rau, đậu tương tuy trong cộng đồng thế tục ít người ăn chay trường, chỉ có các sư sãi trong chùa hoặc người bị bệnh buộc phải ăn kiêng.

Ẩm thực Việt Nam còn đặc trưng với sự trung dung trong cách phối trộn

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

nguyên liệu không quá cay, quá ngọt hay quá béo. Các nguyên liệu phụ (gia vị) để chế biến món ăn Việt Nam rất phong phú, bao gồm nhiều loại rau thơm như húng thơm, tía tô, kinh giới, hành, thìa là, mùi tàu v.v.; gia vị thực vật như ớt, hạt tiêu, sả, hẹ, tỏi, gừng, chanh quả hoặc lá non; các gia vị lên men như mẻ, mắm tôm, bỗng rượu, dấm thanh hoặc kẹo đắng, nước cốt dừa v.v. Các gia vị đặc trưng của các dân tộc Đông Nam Á nhiệt đới nói trên được sử dụng một cách tương sinh hài hòa với nhau và thường thuận theo nguyên lý "âm dương phối triển", như món ăn dễ gây lạnh bụng buộc phải có gia vị cay nóng đi kèm. Các món ăn kỵ nhau không thể kết hợp trong một món hay không được ăn cùng lúc vì không ngon, hoặc có khả năng gây hại cho sức khỏe cũng được dân gian đúc kết thành nhiều kinh nghiệm lưu truyền qua nhiều thế hệ. Khi thưởng thức các món ăn, tính chất phối trộn nguyên liệu một cách tổng hợp nói trên càng trở nên rõ nét hơn: người Việt ít khi ăn món nào riêng biệt, thưởng thức từng món, mà một bữa ăn thường là sự tổng hòa các món ăn từ đầu đến cuối bữa.

Trên đây là cách phân loại chung nhất cho tất cả các loại tài nguyên nhân văn. Ninh Bình cũng là một tỉnh tập trung nhiều loại tài nguyên nhân văn cả tài nguyên nhân văn vật thể và tài nguyên nhân văn phi vật thể. Dựa trên cơ sở của cách phân loại chung cho các loại tài nguyên nhân văn, tài nguyên nhân văn tỉnh Ninh Bình cũng được phân loại theo các nhóm: các di tích lịch sử văn hóa, di chỉ khảo cổ, lễ hội, nghề và làng nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực và văn hóa nghệ thuật dân gian. Vì vậy mà việc điều tra đánh giá tài nguyên nhân văn tỉnh Ninh Bình phục vụ cho phát triển du lịch cũng được dựa trên các tiêu chí đánh giá chung cho các loại tài nguyên nhân văn.

1.2. Điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn

Các loại tài nguyên nói chung cũng như các dạng tài nguyên du lịch nói riêng không tồn tại độc lập mà thường tồn tại, phát triển trên cùng một không gian có quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Vì vậy sau khi điều tra đánh giá từng loại tài nguyên cần tiến hành đánh giá tổng hợp các loại tài nguyên. Việc đánh giá tổng hợp các loại tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như tài nguyên du lịch nhân văn thường theo các cách: xây dựng thang – bậc điểm đánh giá, dựa vào một số tiêu chí

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

thông dụng, đánh giá bằng cảm quan, điều tra qua cảm nhận đánh giá của du khách dựa trên đặc điểm và các giá trị thẩm mỹ, mức độ thuận lợi của tài nguyên với sức khỏe, các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao ... của con người.

1. Các bước kiểm kê một di tích kiến trúc nghệ thuật hoặc một công trình đương đại(DTLSVH)

- Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan:

+ Xác định vị trí, diện tích lãnh thổ, tên gọi di tích.

+ Giá trị về phong cảnh.

+ Khoảng cách giữa vị trí của di tích với thị trường cung cấp khách cũng như chủng loại và chất lượng đường giao thông, các loại phương tiện giao thông có thể hoạt động.

- Lịch sử hình thành và phát triển gồm: thời gian, đặc điểm của thời kỳ khởi dựng và những lần trùng tu lớn.

- Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật, niên đại kiến trúc mỹ thuật.

- Giá trị cổ vật cả về số lượng và chất lượng, vật kỷ niệm và bảo vật quốc gia.

- Nhân vật được tôn thờ và những người có công tôn tạo, trùng tu.

- Những tài nguyên nhân văn phi vật thể gắn với di tích: các giá trị văn học, phong tục, tập quán, lễ hội.

- Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích.

- Thực trạng chất lượng môi trường ở khu vực di tích.

- Giá trị xếp hạng: quốc tế, quốc gia, địa phương, thời gian được xếp hạng.

- Đánh giá chung về những giá trị nổi bật cũng như khả năng khai thác cho mục đích phát triển du lịch.

2. Các bước kiểm kê đánh giá lễ hội.

- Tiến hành điều tra về số lượng lễ hội, thời gian diễn ra lễ hội, giá trị và quy mô, sức hấp dẫn du khách của các lễ hội, cách thức bảo tồn và khôi phục, tổ chức quản lý các lễ hội, môi trường diễn ra lễ hội ở từng điểm du lịch và các địa

phương.

- Kiểm kê đánh giá cụ thể những lễ hội tiêu biểu:
- + Không gian diễn ra lễ hội.
- + Lịch sử phát triển các lễ hội, các nhân vật được tôn thờ, các sự kiện lịch sử, văn hóa gắn với lễ hội.
- + Thời gian diễn ra lễ hội.
- + Quy mô của lễ hội mang tính quốc gia và địa phương.
- + Những giá trị văn hóa và phong tục, tập quán diễn ra ở phần lễ và phần hội, các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hóa nghệ thuật được tổ chức.
- Giá trị với hoạt động du lịch.
- Thực trạng của việc tổ chức và khai thác lễ hội phục vụ nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa, phát triển du lịch.

3. Tiêu chí đánh giá nghề và làng nghề thủ công truyền thống.

- điều tra đánh giá về số lượng và thực trạng của nghề và làng nghề thủ công, phân bố và đặc điểm chung của nghề và làng nghề truyền thống có giá trị cho hoạt động du lịch trong cả nước và ở các địa phương nơi tiến hành quy hoạch.
- Điều tra và đánh giá mỗi làng nghề gồm các bước và những nội dung sau: vị trí địa lý cảnh quan, lịch sử phát triển, các nhân vật được tôn vinh, quy mô của làng nghề, các yếu tố tự nhiên và kinh tế - xã hội nuôi dưỡng nghề và làng nghề truyền thống, nghệ thuật sản xuất, lựa chọn nguyên liệu, cơ cấu chủng loại số lượng và chất lượng, giá trị thẩm mỹ và sử dụng của các sản phẩm, môi trường làng nghề, việc tiêu thụ sản phẩm, giá cả sản phẩm, mức thu nhập và đời sống của dân cư từ sản xuất, tỷ trọng thu nhập từ các nghề thủ công so với giá trị thu nhập của các hoạt động kinh tế khác của làng nghề, những giá trị văn hóa gắn với nghề và làng nghề thủ công truyền thống.
- Các cơ chế, chính sách cho đầu tư phát triển nghề, làng nghề, du lịch làng nghề và chính sách ưu đãi với các nghệ nhân.
- Thực trạng đầu tư bảo vệ, khôi phục làng nghề, khai thác, phát huy giá

trị văn hóa của làng nghề với đời sống kinh tế-xã hội và hoạt động du lịch.

- Khả năng đầu tư phát triển du lịch làng nghề.

4. Điều tra đánh giá các loại hình văn hóa nghệ thuật.

- Các giá trị văn hóa nghệ thuật là loại hình tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách, thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch tham quan giải trí, nghiên cứu. Việc bảo tồn, khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật góp phần làm phong phú hấp dẫn thêm cho các loại tài nguyên du lịch khác và nhiều loại hình du lịch khác như: du lịch sông nước, du lịch văn hóa các dân tộc, du lịch tham quan, du lịch lễ hội.

- Việc điều tra, đánh giá các giá trị văn hóa nghệ thuật phục vụ du lịch gồm các nội dung như: các loại nhạc cụ, các loại hình biểu diễn, thời gian, môi trường biểu diễn, các nghệ nhân biểu diễn, nghệ thuật trình diễn các loại nhạc cụ, các làn điệu dân ca, các loại hình nghệ thuật truyền thống, các loại hình văn hóa nghệ thuật bác học, lịch sử hình thành và phát triển, không gian phân bố, các bài hát, các nghệ nhân, các giá trị về lời ca, âm vực, nghệ thuật biểu diễn, không gian biểu diễn, các loại nhạc cụ được dùng để biểu diễn, thực trạng và khả năng khai thác, bảo tồn phát triển.

TIÊU KẾT CHƯƠNG I

Chương 1 là sự tổng kết một cách khái quát những vấn đề lý thuyết liên quan tới du lịch và các nguồn tài nguyên du lịch. Đây là những vấn đề lý thuyết cơ bản được sử dụng để đánh giá tài nguyên du lịch của một tỉnh. Những kiến thức này sẽ được áp dụng trực tiếp trong chương 2 để tiến hành điều tra và đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn ở Ninh Bình.

CHƯƠNG 2

ĐIỀU TRA VÀ ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

2.1. Khái quát về tỉnh Ninh Bình

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Ninh Bình là một tỉnh nhỏ ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Theo quy hoạch xây dựng phát triển kinh tế thì Ninh Bình thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, có diện tích 1.400km² với đường bờ biển dài 15km. Hiện nay Ninh Bình có 6 huyện: Hoa Lư, Nho Quan, Kim Sơn, Gia Viễn, Yên Khánh, Yên Mô; một thị xã là Tam Điệp và một thành phố là Ninh Bình. Ninh Bình là một vùng đất sơn thủy hữu tình được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng và nhiều di tích lịch sử văn hóa lâu đời tạo sự hấp dẫn thu hút du khách.

- Về vị trí địa lý: Ninh Bình có tọa độ địa lý từ 19⁰24' – 20⁰27' vĩ độ Bắc và từ 105⁰32' – 106⁰27' kinh độ Đông, phía Tây Nam giáp Thanh Hóa, phía Đông giáp Nam Định, phía Nam giáp biển. Với vị trí là nơi tiếp giáp giữa miền Bắc và miền Trung, giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng sông Mã là hai cái nôi của văn hóa, văn minh người Việt, là địa bàn chiến lược quan trọng của mọi triều đại và nhà nước trong lịch sử Việt Nam.

- Về giao thông: Ninh Bình là điểm nút giao thông quan trọng, tất cả các huyện, thành phố, thị xã đều có đường quốc lộ đi qua. Quốc lộ 1A đi qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, thành phố Ninh Bình và thị xã Tam Điệp với tổng chiều dài gần 40km; quốc lộ 10 nối từ Quảng Ninh qua các tỉnh duyên hải Bắc Bộ: Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định tới thành phố Ninh Bình đi qua các huyện Yên Khánh, Kim Sơn; quốc lộ 12B nối thị xã Tam Điệp, Nho Quan với đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hòa Bình và Vĩnh Phúc. Mạng lưới giao thông tỉnh lộ khá thuận tiện với những chuyến xe bus nội tỉnh, bến xe Ninh Bình nằm gần nút giao thông giữa quốc lộ 1A và quốc lộ 10 ở thành phố Ninh Bình. Hiện đang có 3 dự án đường cao tốc đi qua Ninh Bình được triển khai là: đường cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ, Ninh Bình - Thanh Hóa và Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

-Về địa hình: Ninh Bình phân chia thành ba vùng tương đối rõ nét, vùng đồi núi ở phía Tây và Tây Bắc; vùng đồng bằng và vùng ven biển phía Đông và phía Nam. Dãy núi đá vôi ở phía Tây của tỉnh chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, bắt nguồn từ vùng núi rừng Hoà Bình chạy ra biển tạo thành vùng phù sa cổ ven chân núi. Do quá trình tạo sơn hơn 200 triệu năm về trước đã tạo nên nhiều hang động đẹp như: Tam Cốc, Bích Động, Xuyên Thủy Động, Địch Lộ, hang động Tràng An,... Tiếp đó là vùng đồng chiêm trũng ở các huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô. Do phù sa bồi đắp hàng năm, đồng bằng tiến ra biển từ 80 - 100m, tạo nên vùng đất mới phì nhiêu, màu mỡ.

Mỗi vùng có tiềm năng và thế mạnh riêng, song ba vùng có thể bổ sung, hỗ trợ nhau để phát triển nền kinh tế hàng hoá toàn diện cả cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thuỷ, hải sản, công nghiệp vật liệu xây dựng và công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

- Về khí hậu: Do đặc điểm về địa lý, địa hình đa dạng, nên khí hậu Ninh Bình cũng mang những nét đặc trưng của khí hậu đồng bằng Bắc bộ và có ảnh hưởng sắc thái khí hậu vùng Thanh Hoá và khu 4 cũ. Khí hậu của Ninh Bình thuộc vùng tiểu khí hậu của đồng bằng sông Hồng. Nhiệt độ trung bình năm là 23,10C. Tổng lượng mưa trung bình trong năm đạt 151,9mm, phân bố tương đối đồng đều trên toàn tỉnh. Trung bình một năm có 125 - 157 ngày mưa. Lượng mưa tập trung chủ yếu vào mùa hè, từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 80 - 90% lượng mưa cả năm

2.1.2. Lịch sử phát triển của Ninh Bình

Ninh Bình là một tỉnh ven biển cực Nam của châu thổ sông Hồng, phía Bắc giáp Hà Nam, đông và đông bắc giáp Nam Định, đông nam giáp vịnh Bắc bộ, tây bắc giáp Hòa Bình và phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa.

Đất này đời Tần (255-207 trước công nguyên) thuộc Tượng quận. Trong giai đoạn Bắc thuộc lần thứ hai (207TCN-542 TCN), dưới đời nhà Hán thuộc quận Giao Chỉ, đời Ngô (266-280) và đời Tấn (280- 420) thuộc Giao Châu, đến cuối đời Lương (502-542) là châu Trường Yên. Khi Lý Nam Đế đánh đuổi quân Lương, lập nên nhà Tiền Lý (542-602) thì vẫn là châu Trường Yên của nước

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Vạn Xuân. Trong giai đoạn Bắc thuộc lần thứ 3 (603-905) dưới đời nhà Tùy và nhà Đường đất này vẫn là châu Trường Yên.

Khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong 12 sứ quân thống nhất đất nước lập nên triều Đinh (968-980) đóng đô ở Hoa Lư thì đất này gọi là châu Đại Hoàng của nước Đại Cồ Việt. Đến đời Tiền Lê (981-1009) gọi là châu Trường Yên. Đời nhà Lý (1010-1225) gọi là phủ Trường Yên, sau gọi là châu Đại Hoàng nước Đại Cồ Việt. Đầu đời Trần gọi là lộ, sau đổi là trấn Trường Yên. Năm Quang Thái thứ 10 (1398) đời Trần Thuận Tông đổi thành trấn Thiên Quan.

Thời kỳ thuộc Minh (1407-1428) lại gọi là châu Trường Yên. Đến triều Lê vẫn theo như đời Trần trước. Đời Thiệu Bình (1434-1440) dưới triều Lê Thái Tông (1433-1442) chia làm 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan thuộc về trấn Thanh Hoa (Thanh Hoá ngày nay) gồm 6 huyện. Phủ Trường Yên có 3 huyện Gia Viễn, Yên Khang và Yên Mô; phủ Thiên Quan quản 3 huyện Phụng Hoá, Ninh Hoá và Lạc Thổ. Đời Hồng Đức (1470-1498), Lê Thánh Tông cho nhập 2 phủ ấy vào Sơn Nam thừa tuyên. Đời Nhà Mạc (1527-1592) gọi hai phủ này là Thanh Hoa ngoại trấn, ngăn cách với Thanh Hoa nội trấn bởi dãy núi Tam Điệp. Nhà Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hoa. Từ phủ Trường Yên trở ra ngoài bắc do nhà Mạc cai quản; từ Trường Yên trở vào, bắt đầu từ 1533 do nhà Lê Trung hưng quản. Hai địa danh Thanh Hoa nội trấn và Thanh Hoa ngoại trấn bắt đầu có từ đây. Sau khi nhà Mạc bị diệt (1592), nhà Lê lại đem 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan nhập vào Thanh Hoa gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Thời Tây Sơn cũng gọi là Thanh Hoa ngoại trấn thuộc Bắc thành.

Dưới triều Nguyễn vẫn theo như cũ: Thanh Hoa ngoại trấn gồm 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan, có 6 huyện là Yên Mô, Yên Khang, Gia Viễn, Yên Hoá, Phụng Hoá và Lạc Thổ.

Năm Gia Long thứ 5 (1806) đổi thanh Hoa ngoại trấn gọi là đạo Thanh Bình vẫn thuộc trấn Thanh Hoa. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đổi tên phủ Trường Yên làm phủ Yên Khánh. Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đổi tên đạo Thanh Bình làm đạo Ninh Bình. Địa danh Ninh Bình có từ đó, nhưng vẫn là một đạo thuộc trấn Thanh Hoa. Đến năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) mới chính thứ

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

đổi làm trấn Ninh Bình, đặt các quan cai trị là Trấn thủ, Hiệp trấn Ninh Bình, đặt các quan cai trị là Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp như các trấn khác năm trong Bắc Thành. Cũng trong năm 1829 thành lập huyện Kim Sơn, do Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ khai khẩn đất hoang, đất bồi ven biển lập nên.

Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi trấn Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình và bỏ Tổng trấn Bắc thành theo chương trình cải cách hành chính của Minh Mệnh. Tỉnh Ninh Bình dưới triều Nguyễn có 2 phủ gồm 7 huyện. Phủ Yên Khánh gồm 4 huyện Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn (khi ấy gồm cả 2 huyện Gia Viễn Hoa Lư ngày nay và Kim Sơn. Phủ Thiên Quan (đến đời Tự Đức 15, tức năm 1862 đổi là phủ Nho Quan), Yên Hoà (đời Lê gọi là Ninh Hoá, gồm một phần huyện Nho Quan và một phần huyện Gia Viễn ngày nay) và huyện Yên Lạc (trước là Lạc Thổ, sau là Lạc Yên, ngày nay là huyện Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình).

Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), tỉnh Ninh Bình thuộc khu 3. Ngày 25.1.1948, hợp nhất các khu 2, khu 3 và khu 11 thành Liên khu thì Ninh Bình thuộc Liên khu 3.

Sau ngày thống nhất đất nước, năm 1976 Ninh Bình hợp với tỉnh Hà Nam (gồm Nam Định và Hà Nam) thành tỉnh Hà Nam Ninh và năm 1977 sau đó hợp nhất 2 huyện Nho Quan và Gia Viễn thành huyện Hoàng Long, hợp nhất huyện Yên Mô và 10 xã huyện Yên Khánh thành huyện Tam Điệp, hợp nhất huyện Kim Sơn và 9 xã huyện Yên Khánh thành huyện Kim Sơn, hợp nhất huyện Gia Khánh và thị xã Ninh Bình thành huyện Hoa Lư. Thời gian này đất Ninh Bình cũ chỉ còn 4 huyện nằm trong tỉnh Hà Nam Ninh, thị xã Ninh Bình hạ xuống thành thị trấn thuộc Huyện Hoa Lư.

Đến ngày nay, Ninh Bình là một tỉnh có diện tích 1387,5 km² với dân số 93 vạn người, bao gồm 8 đơn vị hành chính (1 thành phố, 1 thị xã và 6 huyện): Thành phố Ninh Bình, thị xã Tam Điệp, huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn, huyện Hoa Lư, huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh và huyện Kim Sơn.

2.1.3. Con người Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình có trên 90 vạn dân sinh sống ở 8 huyện, thành phố, thị xã với

2 dân tộc Kinh và Mường. Mỗi dân tộc, mỗi địa phương trong tỉnh có một bản sắc văn hoá truyền thống, song đều hội tụ một phẩm chất chung đó là cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, đoàn kết, dũng cảm trong đấu tranh chống thiên tai, chống lại các thế lực thù địch, gắn bó và yêu thương quê hương tha thiết.

Mảnh đất Ninh Bình cũng là nơi đã sản sinh ra những người con tuấn kiệt như: Đinh Tiên Hoàng, Trương Hán Siêu, Thời Lê có Trịnh Lỗi theo Lê Thái Tổ dẹp loạn quân Minh

2.1.4. Văn hóa Ninh Bình

Ninh Bình nằm ở vùng giao thoa giữa các khu vực Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ đã tạo ra một nền văn hóa Ninh Bình tương đối năng động mang đặc trưng khác biệt trên nền tảng văn minh sông Hồng.

Vùng đất Ninh Bình là kinh đô của nước Việt ở thế kỷ X với 3 triều đại Đinh, Lê, Lý với các dấu ấn lịch sử như: thống nhất giang sơn, đánh Tống-dẹp Chiêm và phát tích quá trình định đô Hà Nội. Do ở vào vị trí chiến lược ra Bắc vào Nam vùng đất này đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc mà dấu tích lịch sử còn để lại trong các đình, chùa, đền miếu, từng ngọn núi con sông. Đây còn là vùng đất chiến lược để bảo vệ Thăng Long của triều đại Tây Sơn, là căn cứ để nhà Trần hai lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông. Thế kỷ XVI-XVII đạo Thiên Chúa được truyền vào Ninh Bình dần dần hình thành trung tâm Thiên Chúa Giáo Phát Diệm.

Văn hoá Ninh Bình đa dạng và phong phú, đó là sự lưu lại dấu ấn văn hoá của các tao nhân mặc khách khi qua vùng sơn thanh thủy tú này. Các đế vương, công hầu, khanh tướng, danh nhân văn hoá lớn như Trương Hán Siêu, Trần Thái Tông, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Tản Đà, Xuân Quỳnh về đây, xếp gương, đề bút, sông núi hoá thành thi ca. Nhân cách bác học và phẩm cách văn hoá lớn của các danh nhân đó đã thấm đẫm vào tầng văn hoá địa phương, được nhân dân tiếp thụ, sáng tạo, làm giàu thêm sắc thái văn hoá Ninh Bình. Vùng đất này còn là quê hương của nhiều danh nhân đất Việt tiêu biểu như: Đinh Bộ Lĩnh; Trương Hán Siêu, Lý Quốc Sư, Vũ Duy Thanh, Lương Văn

Tụy, Ninh Tôn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền ...

Với những đặc điểm văn hóa trên đã tạo cho Ninh Bình có một hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình gắn liền với tín ngưỡng của vùng đất sinh Vua, sinh Thánh, sinh Thần thông qua các đền thờ Vua (đặc biệt là các Vua Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Trần Thái Tông, Quang Trung và Triệu Quang Phục với số lượng vài chục đền thờ mỗi vị); thờ Thánh (Nguyễn Minh Không và các tổ nghề); thờ Thần (phổ biến là các vị thần Thiên Tôn, thần Cao Sơn và thần Quý Minh trong không gian văn hóa Hoa Lư tứ trấn). Ninh Bình là vùng đất phong phú các lễ hội văn hóa đặc sắc như Lễ hội cố đô Hoa Lư, lễ hội chùa Bái Đính, lễ hội đền Nguyễn Công Trứ, lễ hội đền Thái Vi... Các lễ hội khác: lễ hội Yên Cư, hội thôn Tập Minh, lễ hội động Hoa Lư, đền Thánh Nguyễn, đền Dâu, hội vật Yên Vệ, lễ hội đền Trần Ninh Bình... các công trình kiến trúc văn hóa như đền Vua Đinh Tiên Hoàng, đền vua Lê Đại Hành, nhà thờ Phát Diệm, chùa Bái Đính, đền Thánh Nguyễn, làng chèo Phúc Trì, Nam Dân, Thượng Kiệm, những trung tâm hát chầu văn ở đền Dâu, phủ Đồi... nhiều làng nghề truyền thống như nghề điêu khắc đá Ninh Vân - Hệ Dưỡng, Xuân Vũ, nghề mộc Phúc Lộc, nghề thêu ren Văn Lâm, nghề chiếu cói ở Kim Sơn...

2.2. Điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình

Do phạm vi giới hạn của đề tài nên tác giả chỉ tập trung điều tra đánh giá một số tài nguyên nhân văn tiêu biểu của tỉnh.

2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa

Ninh Bình là một tỉnh có nhiều di tích văn hóa gắn với các triều đại Đinh, Lê, Lý và nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị khác. Theo nguồn của Sở Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch Ninh Bình trên toàn tỉnh đã thống kê được trên 800 di tích trong đó có 78 di tích được xếp hạng và cấp bằng di tích quốc gia. Tiêu biểu có Cố Đô Hoa Lư, công trình chùa Bái Đính, quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, đền vua Đinh, vua Lê trong quần thể Cố Đô Hoa Lư.

Bảng 1: Mật độ các di tích trên địa bàn tỉnh

Huyện, thị xã, thành phố	Những di tích và danh thắng cấp quốc gia	Những di tích xếp hạng cấp tỉnh
Thành phố Ninh Bình	4	14
Hoa Lư	26	10
Gia Viễn	14	27
Nho Quan	7	16
TX. Tam Điệp	1	3
Yên Mô	11	22
Yên Khánh	12	30
Kim Sơn	4	17

(Nguồn Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình)

❖ **Cố Đô Hoa Lư**

- Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: Toàn bộ khu di tích Cố đô Hoa Lư nằm trên địa bàn giáp ranh giữa 2 huyện Hoa Lư, Gia Viễn và thành phố Ninh Bình của tỉnh Ninh Bình. Khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư hiện nay có diện tích tự nhiên 13.87 km² thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Khoảng cách từ điểm du lịch tới trung tâm cung cấp nguồn khách: Khoảng cách từ khu di tích Cố đô Hoa Lư tới thủ đô Hà Nội – trung tâm cung cấp khách lớn nhất miền Bắc là 90 – 100km theo Quốc lộ 1A, có thể đi tới khu di tích bằng 2 – 3 loại phương tiện thông dụng như xe khách, taxi, xe máy.

- Lịch sử hình thành: Năm 968 Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt và chọn Hoa Lư làm kinh đô. Kinh đô Hoa Lư tồn tại 41 năm (từ năm 986 đến năm 1009) trong đó 12 năm là triều đại nhà Đinh và 29 năm kế tiếp là triều đại nhà Tiền Lê (người đầu tiên lên ngôi hoàng đế là Lê Hoàn hiệu là Lê Đại Hành). Trước khi rời đô về kinh thành Thăng Long, Lý Công Uẩn lên ngôi tại Hoa Lư và lấy đế hiệu là Lý Thái Tổ.

- Quy mô, các giá trị kiến trúc: Khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư có diện tích 13,87 km² gồm:

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

+ Vùng bảo vệ đặc biệt có diện tích 3 km² gồm toàn bộ khu vực bên trong thành Hoa Lư, trong vùng có các di tích lịch sử: đền Vua Đinh Tiên Hoàng, đền Vua Lê Đại Hành, lăng vua Đinh, lăng vua Lê, đền thờ Công chúa Phát Kim, chùa Nhất Trụ, phủ Vườn Thiên, bia Câu Dền, chùa Kim Ngân, hang Bim, chùa Cổ Am, chùa Duyên Ninh, phủ Chợ, sông Sào Khê, một phần khu sinh thái Tràng An và các đoạn tường thành, nền cung điện nằm dưới lòng đất...

+ Vùng đệm có diện tích 10,87 km² gồm cảnh quan hai bên sông Sào Khê và quần thể Tràng An. Trong vùng có các di tích lịch sử: động Am Tiên, hang Quàn, hang Muối, đình Yên Trạch, chùa Bà Ngô, hang Luồn, hang Sinh Dược, hang Địa Linh, hang Nấu Rượu, hang Ba Giọt, động Liên Hoa, đền Trần, phủ Khổng, phủ Đột, hang Bói...

+ Các di tích liên quan trực tiếp gồm các di tích không nằm trong 2 vùng trên nhưng có vai trò quan trọng đối với quê hương và sự nghiệp của triều đại nhà Đinh như chùa Bái Đính, cổng Đông, cổng Nam, động Thiên Tôn, động Hoa Lư, đền thờ Đinh Bộ Lĩnh.

+ Đền Vua Đinh Tiên Hoàng và đền Vua Lê Đại Hành được xây dựng từ thời nhà Lý và xây dựng lại từ thời Hậu Lê theo kiểu nội công ngoại quốc và mô phỏng kiến trúc kinh đô xưa. Là 2 di tích quan trọng của khu di tích. Trước mặt đền Đinh là núi Mã Yên có hình dáng giống cái yên ngựa. Trên núi có lăng mộ vua Đinh. Đền Đinh Tiên Hoàng là một công trình kiến trúc độc đáo trong nghệ thuật chạm khắc gỗ của các nghệ sĩ dân gian Việt Nam ở thế kỷ 17 và là công trình nghệ thuật đặc sắc với nhiều cổ vật quý hiếm được bảo tồn, như gạch xây cung điện có khắc chữ Đại Việt quốc quân thành chuyên, cột kinh Phật khắc chữ Phạn, các bài bia ký... Đền thờ Đinh Tiên Hoàng và 3 hoàng tử: Đinh Liễn, Đinh Đế Toàn và Đinh Hạng Lang.

+ Đền Vua Lê Đại Hành nằm cách đền vua Đinh Tiên Hoàng 300 mét. Đền vua Lê qui mô nhỏ hơn nên không gian trong đền khá gần gũi và huyền ảo. Nét độc đáo ở đền thờ vua Lê Đại Hành là nghệ thuật chạm gỗ thế kỷ 17 đã đạt đến trình độ điêu luyện, tinh xảo. Tương truyền, bà mẹ mơ thấy hoa sen mà sinh ra Lê Hoàn, trong lúc đi cấy ở cạnh ao sen. Bà đã ủ Lê Hoàn trong khóm trúc và

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

được con hổ chúa rừng xanh áp ú. Sau lời cầu xin của bà mẹ con hổ bỏ đi. Vì vậy mà nghệ thuật điêu khắc gỗ dân gian Việt Nam của các nghệ nhân ở đây cũng thống nhất với truyền thuyết về các đề tài ca ngợi Lê Hoàn. Đền thờ Lê Hoàn, Dương Vân Nga và Lê Long Đĩnh.

- Những giá trị tài nguyên nhân văn phi vật thể gắn với di tích: Lễ hội Cổ đô Hoa Lư là một lễ hội tiêu biểu của khu di tích cũng như của tỉnh Ninh Bình diễn ra vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

- Giá trị xếp hạng: khu di tích Cổ đô Hoa Lư được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia.

- Đánh giá chung: Khu di tích Cổ đô Hoa Lư với vị trí địa lý thuận lợi, cảnh quan hấp dẫn và tập trung nhiều giá trị văn hóa của một kinh đô cổ là một điểm hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước tới tham quan tìm hiểu và chiêm ngưỡng.

❖ Chùa Bái Đính

- Vị trí, tên gọi, cảnh quan, diện tích: Tên gọi chùa Bái Đính mang ý nghĩa là hướng về núi Đính. Chùa nằm ở phía tây khu di tích cổ đô Hoa Lư, thuộc xã Gia Sinh - Gia Viễn - Ninh Bình. Quần thể chùa Bái Đính hiện có diện tích 539 ha bao gồm 27 ha khu chùa Bái Đính cổ, 80 ha khu chùa Bái Đính mới, khu công viên văn hoá và học viện phật giáo, khu đón tiếp và công viên cảnh quan, đường giao thông và bãi đỗ xe, khu hồ Đàm Thị, hồ phóng sinh. Khu chùa này nằm gần trên đỉnh của một vùng rừng núi khá yên tĩnh.

- Khoảng cách từ khu chùa Bái Đính đến trung tâm cung cấp khách Hà Nội là 110km và cách thành phố Ninh Bình 15 Km, cách Cổ đô Hoa Lư 10km.

- Lịch sử hình thành và phát triển: Hơn 1000 năm về trước, tại Ninh Bình đã có ba triều đại Vua nối tiếp nhau ra đời: nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý. Ba triều đại phong kiến này đều rất quan tâm đến đạo Phật và coi đạo Phật là Quốc giáo; cho nên tại Ninh Bình có rất nhiều chùa cổ, trong đó có chùa Bái Đính, trên núi Đính.

- Quy mô, kiểu cách, giá trị kiến trúc, mỹ thuật, niên đại kiến trúc mỹ thuật:

+ Quy mô: Quần thể chùa Bái Đính gồm một khu chùa cổ và một khu chùa

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

mới được xây dựng từ năm 2003. Chùa nằm trên sườn núi, giữa những thung lũng mờ mờ sương và núi đá, ở cửa ngõ phía tây vào cố đô Hoa Lư nên nó được xem là một phần của Cố đô. Kiến trúc hoành tráng, đồ sộ nhưng mang đậm bản sắc truyền thống phù hợp với tâm lý hiếu kỳ, tò mò của người Việt Nam thời nay. Chính vì vậy mà nơi đây sớm trở thành một điểm đến nổi tiếng. Chùa Bái Đính được các báo giới tôn vinh là một quần thể chùa lớn nhất Đông Nam Á.

+ Giá trị kiến trúc, mỹ thuật, niên đại kiến trúc mỹ thuật:

Khu chùa cổ mặc dù có lịch sử hình thành từ thời Đinh với đền thờ Cao Sơn trấn tây Hoa Lư tứ trấn nhưng chùa Bái Đính cổ có nhiều chi tiết kiến trúc và cổ vật mang dấu ấn đậm nét của thời Lý.

Đặc điểm kiến trúc của khu chùa mới: về vật liệu, hệ thống cột và kèo ở cổng Tam Quan, hành lang La Hán và điện Quan Âm được làm bằng gỗ tứ thiết, các công trình lớn hơn làm bê tông giả gỗ. Tất cả các mái sử dụng ngói men Bát Tràng, kiến trúc ba tầng mái cong vút hình đuôi của chim phượng. Về bố cục các kiến trúc chính như cổng Tam Quan, tháp chuông, điện Quan Âm, điện Pháp Chủ, điện Tam Thế.

- Giá trị cổ vật, vật kỷ niệm và bảo vật quốc gia: Tượng Phật bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á: tượng Phật Tổ 100 tấn trong điện Pháp Chủ. Chuông đồng lớn nhất Việt Nam: Đại hồng chung nặng 36 tấn trong Tháp Chuông. Khu chùa có nhiều tượng La Hán nhất Việt Nam: 500 vị bằng đá xanh cao khoảng 2m. Tượng phật quan âm bằng đồng nặng 90 tấn.

- Nhân vật được tôn thờ và những người có công tôn tạo trùng tu: Chùa thờ phật với các nhân vật được suy tôn như: Cổng Tam Quan với hai tượng Hộ pháp (ông thiện và ông ác) bằng đồng. Hành lang La hán thờ 500 vị La Hán được tạc bằng đá xanh nguyên khối. Điện quan thế âm thờ Quan Thế Âm Bồ Tát nghìn mắt nghìn tay. Điện Pháp Chủ thờ phật A di đà. Điện tam thế đặt ba pho tượng Tam thế Phật (Quá khứ, hiện tại và tương lai).

- tài nguyên nhân văn phi vật gắn với di tích: Lễ hội chùa Bái Đính diễn ra từ mùng 6 tháng giêng đến hết tháng 3 hàng năm.

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

- Giá trị xếp hạng: Năm 1997 chùa được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa - cách mạng cấp quốc gia.

- Thực trạng tổ chức, quản lý: Chùa Bái Đính thuộc sự quản lý của Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình còn chủ đầu tư và xây dựng là Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường. Quần thể chùa Bái Đính mới này nằm trong tổng thể dự án xây dựng trung tâm du lịch văn hóa Tràng An rộng gần 2.000 ha do công ty TNHH Xuân Trường làm chủ đầu tư.

- Đánh giá chung: Chùa Bái Đính là một quần thể chùa được biết đến với nhiều kỷ lục Việt Nam được xác lập như chùa có diện tích lớn nhất, tượng Phật bằng đồng lớn nhất, chùa có nhiều la hán nhất và nhiều cây bồ đề nhất... Chùa Bái Đính cũng là nơi tổ chức Đại lễ cúng nghinh xá lợi Phật từ Ấn Độ về Việt Nam 2010. Các hạng mục xây dựng, mở rộng khu chùa mới được các đại biểu tham dự đại lễ Phật đản thế giới 2008 làm lễ khánh thành giai đoạn 1 và dự kiến khánh thành giai đoạn 2 vào năm 2011. Đây sẽ là một nơi tâm linh lớn để mọi người tới hành hương lễ phật trong những dịp đầu xuân.

❖ Nhà thờ đá Phát Diệm

- Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: Phát Diệm nghĩa là phát sinh ra cái đẹp, tên nhà thờ do Nguyễn Công Trứ đặt. Nhà thờ đá Phát Diệm tọa lạc ở xã Lưu Phương, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, cách thành phố Ninh Bình 30km theo quốc lộ 10, cách Hà Nội 120km theo quốc lộ 1A và quốc lộ 10. Khu nhà thờ có diện tích 22 mẫu.

- Lịch sử hình thành và phát triển: Nhà thờ Phát Diệm được khởi công vào năm 1875 và đến năm 1898 thì cơ bản hoàn thành.

- Quy mô, kiểu cách, giá trị kiến trúc, mỹ thuật, niên đại kiến trúc: Nhà thờ được xây dựng với trình độ kỹ thuật và điều kiện giao thông của những năm cuối thế kỷ 19. Từ hướng Nam đi vào nhà thờ Phát Diệm gồm các phần: Ao hồ, Phương Đình, Nhà thờ lớn, ba hang đá nhân tạo và nhà thờ đá. Nét độc đáo của công trình này ở chỗ: mặc dù là nhà thờ Công giáo nhưng được mô phỏng theo những nét kiến trúc đình chùa truyền thống của Việt Nam.

- Nhân vật được tôn thờ và những người có công trùng tu, xây dựng: Nhân

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

vật chính được thờ trong nhà thờ là Chúa Jesu và đức mẹ Maria. Quần thể kiến trúc này được xây dựng bởi Linh mục Phêrô Trần Lục (còn gọi là Cụ Sáu - Linh mục ở giáo phận Phát Diệm từ năm 1865) và các giáo dân Công giáo trong hơn 30 năm.

- Những giá trị tài nguyên nhân văn khác gắn với nhà thờ: Lễ hội Giáng Sinh diễn ra vào ngày 25 tháng 12 hàng năm.

- Đánh giá chung: Nhà thờ đá Phát Diệm được mọi người đánh giá là nhà thờ đẹp nhất Việt Nam với kiến trúc độc đáo và quy mô, cùng với sự kết hợp hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan xung quanh đã là nơi thu hút được nhiều du khách trong và ngoài nước tới chiêm ngưỡng và nghiên cứu.

2.2.2. Lễ hội

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở Nam đồng bằng Bắc Bộ. Ở từng khu vực địa lý dày đặc các dấu ấn văn hóa truyền thống được thể hiện ở các công trình kiến trúc như đình, đền, chùa, miếu, phủ, lăng mộ, từ đường, các làng nghề thủ công truyền thống và những phong tục tập quán, lễ hội dân gian. Có 795 di tích được phân bố trên khắp 146 xã, phường, thị trấn trong tỉnh, có 225 ngôi chùa, 242 đình, hơn 328 đền, miếu, phủ, ngoài ra còn có 285 nhà thờ công giáo trong đó có 73 nhà thờ giáo xứ, 212 nhà thờ họ. Các di tích và danh thắng gắn liền với lễ hội và du lịch, tiêu biểu là đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành ở Cố đô Hoa Lư, chùa Bích Động, đền Thái Vi, khu sinh thái hang động Tràng An (huyện Hoa Lư, chùa Bái Đính, đền thờ Thánh Nguyễn, Thung Lá(huyện Gia Viễn), đền thờ Nguyễn Công Trứ, nhà thờ đá Phát Diệm (huyện Kim Sơn), khu cách mạng Quỳnh Lưu, Phủ Đồi (huyện Nho Quan), Đền Dâu, Đền Quán Cháo (TX.Tam Điệp)...cùng với 35 làng nghề truyền thống, tiêu biểu là nghề mộc xã Ninh Phong, chiếu cói Kim Sơn, chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, thêu ren Ninh Hải...đó là những yếu tố quan trọng góp phần làm nên sắc diện đa dạng các lễ hội văn hóa của tỉnh Ninh Bình.

Hiện nay tỉnh Ninh Bình có 76 lễ hội truyền thống, trong đó cấp tỉnh quản lý 2, cấp huyện quản lý 21, cấp xã quản lý 53, lễ hội tổ chức ở đền là 19, ở chùa 11, ở đình 12, ở phủ 4, ở các địa điểm khác (làng, xã) là 26. Theo phong tục

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

truyền thống hàng năm cứ vào dịp đầu xuân năm mới, các lễ hội được diễn ra thu hút mọi tầng lớp nhân dân địa phương và khách thập phương tham gia.

Bảng 2: Số lượng các lễ hội trên địa bàn tỉnh

Huyện, thị xã, thành phố	Số lượng
Thành phố Ninh Bình	2
Hoa Lư	11
Gia Viễn	8
Nho Quan	1
TX. Tam Điệp	1
Yên Mô	32
Yên Khánh	2
Kim Sơn	1

(Nguồn Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình)

Bảng 3: một số lễ hội tiêu biểu và cấp xếp hạng

Tên lễ hội	Loại hình	Cấp xếp hạng
Lễ hội Cổ đô Hoa Lư	Lễ hội dân gian	Tỉnh
Lễ hội Đền Thái Vi	Lễ hội dân gian	Huyện
Lễ hội Noel	Lễ hội tôn giáo	Tỉnh
Lễ hội Đền Thánh Nguyễn	Lễ hội dân gian	Huyện
Lễ hội chùa Bái Đính	Lễ hội dân gian	Huyện
Lễ hội chùa Địch Lộng	Lễ hội dân gian	Huyện

(Nguồn : Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình)

❖ **Lễ hội Cổ đô Hoa Lư**

- Thời gian, địa điểm diễn ra lễ hội: Hội được tổ chức vào ngày mùng 10 đến 13 tháng 3 âm lịch hàng năm tại xã Trường Yên, Huyện Hoa Lư.

- Lịch sử hình thành và phát triển: Lễ hội Cổ đô Hoa Lư đã được bắt đầu ngay khi nhà Lý dời đô về Thăng Long – Và trên nền móng của cung điện Hoa Lư, hai ngôi đền thờ vua Đinh và vua Lê được tạo dựng. Để có được một lễ hội

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

như hiện nay là cả một quá trình mà trong đó hoà quyện những sự kiện lịch sử và truyền thuyết dân gian. Hình thức của lễ hội gồm có: Lễ rước nước, Lễ dâng hương, Lễ rước lửa, Tập trận cờ lau, Tế nữ quan, Kéo chữ, múa rồng lân, thổi cơm thi và những tiết mục biểu diễn, thi đấu quen thuộc đối với nhiều lễ hội truyền thống dân gian khác.

- Quy mô lễ hội: Quy mô tổ chức lễ hội cấp tỉnh, với sự tham gia của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội và nhân dân trong tỉnh.

- Nhân vật được tôn vinh trong lễ hội: Lễ hội được tổ chức để tưởng nhớ công đức vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành.

- Giá trị với hoạt động du lịch: Lễ hội là nơi mọi người tưởng nhớ về cội nguồn, có giá trị rất lớn với hoạt động du lịch của tỉnh cũng như của cả nước.

- Thực trạng: Lễ hội được tổ chức hàng năm dưới sự quản lý của tỉnh Ninh Bình đã đóng góp vào doanh thu của tỉnh đáng kể góp phần nâng cao đời sống của nhân dân địa phương cũng như đã làm thay đổi bộ mặt của tỉnh rất nhiều trong những năm qua.

- Đánh giá chung: Đây là một lễ hội lớn của huyện Hoa Lư cũng như của toàn tỉnh Ninh Bình. Lễ hội diễn ra thu hút được rất nhiều du khách thập phương tới tham dự đồng thời tham quan khu di tích Cố đô Hoa Lư – Kinh đô xưa của nước Đại Việt.

❖ Lễ hội chùa Bái Đính

- Thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội: Hội được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng giêng hàng năm tại thôn Sinh Dược xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn.

- Lịch sử hình thành: Trước đây lễ hội được tổ chức ở chùa cổ chưa có nhiều người biết đến chủ yếu là người dân quanh khu vực đó tham dự. Từ năm 2003 chùa mới được xây dựng đến năm 2008 hoàn thành giai đoạn 1 từ đó lễ hội được tổ chức tại chùa mới thu hút được nhiều người thập phương tới tham dự.

- Quy mô: Lễ hội được tổ chức ở quy mô huyện

- Nhân vật được tôn vinh: Phật, Thần, Mẫu

- Giá trị với hoạt động du lịch: Tuy là một lễ hội mới nhưng từ khi diễn ra

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

lễ hội đã hấp dẫn được nhiều người hành hương tới lễ phật và tham dự lễ hội góp phần vào việc phát triển du lịch của tỉnh.

- Thực trạng: Lễ hội vẫn được tổ chức hàng năm dưới sự quản lý của huyện Gia Viễn.

Phần lễ thường tổ chức dâng hương, tưởng nhớ các vị anh hùng có công với nước với dân.

Phần hội kéo dài từ 3 đến 5 ngày, tổ chức các trò chơi dân gian như: đánh cờ, đấu vật...

- Đánh giá chung: Lễ hội là một trong những lễ hội có thời gian khá dài, diễn ra trong suốt mùa xuân thu hút nhiều du khách tới tham dự không chỉ là hành hương lễ phật mà còn chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoành tráng của ngôi chùa lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

❖ Lễ hội đền Thái Vi

- Thời gian, địa điểm diễn ra lễ hội: Hội được tổ chức hàng năm từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 3 âm lịch tại thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư.

- Lịch sử hình thành: Đây là một lễ hội dân gian có từ xa xưa, cũng không ai rõ lễ hội được tổ chức lần đầu tiên vào khi nào.

- Nhân vật được tôn vinh trong lễ hội: Đây là dịp để nhân dân Ninh Bình và nhân dân cả nước tưởng nhớ công lao các vua Trần - những người có công lớn với dân với nước.

- Quy mô: Lễ hội được tổ chức hàng năm dưới sự quản lý của huyện Hoa Lư, với sự tham gia của người dân địa phương và khách thập phương nhiều nơi.

- Giá trị đối với hoạt động du lịch: Lễ hội chưa thực sự góp phần vào hoạt động du lịch của địa phương cũng như của toàn tỉnh, chưa thu hút được du khách ở nhiều nơi về tham dự

- Đánh giá chung: Lễ hội Đền Thái Vi cũng là một trong những lễ hội tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình, là lễ hội tưởng nhớ công ơn của các vua Trần được nhiều người quan tâm và tham dự.

2.2.3. Nghệ thuật ẩm thực

Ninh Bình là một trong những tỉnh nằm ở vùng duyên hải thuộc châu thổ

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

sông Hồng, có những nét đặc thù riêng của nền văn minh lúa nước, của văn hóa sông Hồng. Là vùng đất kinh đô trước đây – hiện còn tồn tại những di tích văn hóa lịch sử của dân tộc và đặc biệt, những nét đặc sắc trong văn hóa ẩm thực vẫn còn được lưu truyền đến nay. Sự gắn kết giữa quá khứ và hiện tại đã tạo nên một nét văn hóa mang vẻ đẹp của vùng đất đồng chiêm trũng, nơi cuối cùng của vùng châu thổ sông Hồng. Về thăm Ninh Bình – một chuyến du lịch thật lý thú cho những người thích khám phá những cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ và nhất là được thưởng thức những món ăn dân dã và cả những món “cao sang” của người Ninh Bình.

Ninh Bình được mọi người biết đến với sự nổi tiếng của Thịt dê – Cơm cháy. Đây là những đặc sản về ẩm thực của người Ninh Bình, ngoài ra còn có những món ăn mang đậm văn hóa lối sống của từng địa phương cũng được rất nhiều người biết đến như rượu Kim Sơn, cá rô Tổng Trường, mắm tép Gia Viễn, gỏi cá Nhệch Kim Sơn... Tất cả tạo nên một nét văn hóa ẩm thực riêng của người Ninh Bình hấp dẫn được du khách trong nước và quốc tế tìm hiểu và thưởng thức.

❖ Thịt dê – đặc sản Ninh Bình

- Nơi xuất xứ: Huyện Hoa Lư có nhiều những dãy đá vôi nên nghề nuôi dê ở Hoa Lư rất phát triển.

- Cách chế biến: Người ta bắt dê núi về làm long, thui vàng, mổ ra ướp với lá hương nhu hoặc lá cúc tần hơn 10 phút, rồi lọc lấy thịt dê (để cả da) đem nhúng vào nước sôi cho chín tái, sau đó thái nhỏ, mỏng đều. Lấy vùng đã rang giã dập, sả thái nhỏ, lá chanh, gừng, ớt tươi thái nhỏ, nước chanh, bột ngọt đổ vào thịt dê đã thái, tất cả trộn đều.

- Cách thưởng thức: Tái dê phải ăn kèm với lá sung, chuối xanh, khế, lá mơ và không thể thiếu tương gừng để chấm.

❖ Cơm cháy

- Cơm cháy Ninh Bình là một trong những món ăn đặc sản ẩm thực nổi tiếng của Ninh Bình. Địa bàn phát triển loại hình ẩm thực này chủ yếu là ở ven đường quốc lộ 1, thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư và thị xã Tam Điệp và

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

các khu du lịch

- Các yếu tố hình thành: Một trong những nguyên nhân quan trọng kích thích món cơm cháy Ninh Bình cũng như rượu Kim Sơn phát triển phải nói đến sức cung dồi dào của vựa lúa khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng, nơi có đất đai màu mỡ phì nhiêu hàng năm cho một sản lượng lớn các loại lúa gạo ngon như: gạo tám Hải Hậu, dự, nếp hương... Từ khi Ninh Bình phát triển mạnh các khu du lịch, món đặc sản thịt dê núi cũng góp phần trợ giúp cơm cháy Ninh Bình phát triển vì nước sốt chan cơm cũng sử dụng thịt dê, hơn nữa thịt dê ít béo nên có thể ăn với cơm cháy mà không bị ngán. Hầu như các nhà hàng ăn ở đây đều cung cấp thịt dê núi đi kèm với cơm cháy.

Ngày nay, ở Ninh Bình có nhiều nơi kinh doanh món cơm cháy, nhưng món cơm cháy gia truyền của ông Hoàng Thăng thường được dân gian coi là nổi tiếng nhất. Nét độc đáo của cơm cháy Ninh Bình là từ nguyên liệu sở tại. Khác với các vùng khác từ cách chiên cho đến nước sốt đi kèm.

- Cách chế biến: Cơm cháy bao gồm cơm, thịt bò hoặc tim, cật lợn xào với rau như hành tây, nấm rơm, cà rốt và cà chua. Để cơm được ngon thì người ta dùng gạo nếp Hương, hạt gạo tròn và trong. Nấu than củi là tốt nhất. Phải để lửa thế nào đó cho thật đều, tạo cháy ở khắp đáy nồi, không chỗ nào dày chỗ nào mỏng. Nhất thiết phải nấu bằng nồi gang. Cơm cháy lấy ra xong phải phơi nắng tự nhiên hai, ba nắng thì mới đạt. Khi bảo quản phải vệ sinh, để chỗ thoáng, tuyệt đối tránh ẩm mốc, lúc gần ăn mới chiên giòn. Nếu chiên để qua buổi, qua ngày, cơm sẽ bị hôi dầu và bã, không ngon.

- Cách thưởng thức: Thịt bò thăn thái lát đem ướp gia vị và đem xào đều với các loại rau, sau đó đổ lên cơm cháy. Cơm cháy ngon có màu vàng nhạt, đều hạt, giòn mà vẫn dẻo, vị thơm cốm mới.

❖ Rượu Kim Sơn

- Nơi xuất xứ: Rượu Kim Sơn là tên gọi một loại rượu có thương hiệu được sản xuất từ huyện miền biển Kim Sơn, thuộc tỉnh Ninh Bình.

- Đặc điểm: Rượu Kim Sơn thường có nồng độ cao, trong suốt, bọt tăm rượu càng to thì độ rượu càng cao. Ngày trước rượu được đựng trong các vò đất

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

và nút lá chuối khô, rượu Kim Sơn khi uống vào cảm thấy rất thơm và êm dịu. Một đặc trưng của rượu là càng để lâu càng ngon. Đặc biệt rượu Kim Sơn có tác dụng rất tốt cho sức khỏe khi được ngâm với rắn, tắc kè, sao biển, bìm bịp .v.v. Cùng với những người Kim Sơn di cư, rượu Kim Sơn đã đi đến nhiều vùng của Việt Nam. Ngày nay rượu Kim Sơn đã được đóng chai và bán trên thị trường.

Kim Sơn là một huyện miền biển duy nhất của tỉnh Ninh Bình, đây là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước đạt năng suất lúa 5 tấn/ha (Cùng với Hải Hậu của Nam Định và Tiền Hải của Thái Bình). Các địa danh trên cùng nằm trong khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng nên rất giàu tài nguyên thiên nhiên như thủy hải sản và lương thực. Chính đặc điểm đó đã sản sinh và kích thích phát triển nghề nấu rượu trở thành các làng nghề truyền thống. Hiện nay có nhiều làng nghề chuyên về nấu rượu ở Kim Sơn như: Hòa Lạc, Ứng Luật .v.v. nhưng nhiều nhất và nổi tiếng hơn cả vẫn là nghề nấu rượu ở xã Lai Thành.

- Cách chế biến: Lúa nếp gặt về phơi khô, hong sạch cho vào chum bảo quản để nấu rượu. Nếu rượu được nấu từ nếp chiêm gọi là rượu chiêm và rượu được nấu từ gạo nếp vụ mùa thì gọi là rượu mùa. Men rượu được làm từ những gia đình có kinh nghiệm lâu đời tại địa phương nên rất thơm và khô. Để có men quý người ta cho vào đó một số dược liệu có tác dụng thông khí huyết, diệt khuẩn. Để có được rượu ngon người nấu phải có kinh nghiệm lâu năm, nhất là việc bảo quản ủ rượu trong các điều kiện thời tiết và môi trường khác nhau. Đặc điểm nguồn nước ủ rượu và nấu rượu cũng là nhân tố quan trọng quyết định độ ngon của rượu. Một nồi rượu tùy thuộc vào quy mô lớn hay nhỏ có thể cho từ 5 - 11 lít rượu.

❖ Rượu Cần Nho Quan

- Nơi xuất xứ: Huyện miền núi Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.
- Đặc điểm: Rượu cần Nho Quan là loại rượu không qua chưng cất lửa.
- Cách nấu: Người ta dùng gạo nếp xay (gạo nứt) nấu thành cơm trộn đều với men đem ủ vào trong ang hoặc vò sành từ 3 tháng trở lên mới đem ra uống.
- Cách thưởng thức: Khi sắp uống, đem đổ nước vào ang. Nước đầu bao giờ cũng ngon và ngọt, đổ nước tiếp, rượu sẽ nhạt dần. Uống rượu cần không

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

dùng chén, mà phải có các cần rượu làm bằng thân các cây trúc được thông rỗng bên trong cắm vào ang rượu.

Rượu cần ngon hay không là do men làm có chất lượng không. Men rượu phải là vỏ cây mun cùng với củ giềng, củ gừng, lá ổi xanh theo tỷ lệ nhất định, đem giã vắt lấy nước rồi trộn với bột gạo nếp. Sau đó nặn thành bánh tròn bằng quả ổi nhỏ ủ vào trấu cho phồng lên, để khô khoảng 10 ngày mới dùng được.

❖ Mắm tép Gia Viễn

- Nơi xuất xứ: Gia Viễn là nơi có nhiều diện tích đồng chiêm trũng, nhiều người làm nghề riu tép và làm mắm tép ngon thú mắm mặn mòi, dân dã.

- Cách chế biến:

Để làm được mắm tép ngon người ta chọn loại tép diu. Tép diu phải là tép già, thân tròn, nhỏ con, màu xanh lam. Điều quan trọng nữa là tép phải tươi, đem rửa sạch, để khô. Sau đó lấy thính gạo rang vàng, giã nhỏ, cùng với muối trộn đều với tép theo tỷ lệ, bỏ vào hũ, có thể đổ thêm ít nước đã đun sôi để nguội, rồi bịt kín, để một tháng trở lên mới đem nấu chín ăn. Bát mắm tép được múc ra màu đỏ tươi, có mùi thơm ngọt, rất hấp dẫn.

- Cách thưởng thức:

Người ta có thể rang mắm tép với thịt ba chỉ. Ăn mắm tép Gia Viễn không cần cho thêm bột ngọt, vẫn có vị ngon, ngọt, đậm đà. Ngày nay mắm tép Gia Viễn đã trở thành món ăn đặc sản của các bữa tiệc khi có thêm đĩa rau ngon.

Thường thì để thưởng thức bát mắm tép theo cách đơn giản nhất chỉ cần ít rau luộc chấm cùng mắm nguyên chất là đã thấy ngon. Công phu hơn chút là thêm đĩa thịt ba chỉ luộc chín, thái mỏng cùng ít rau thơm, dăm quả ớt.

❖ Canh chua cá rô Tổng Trường

- Nơi xuất xứ: Tổng Trường nay là xã Trường Yên, trước kia thuộc huyện Gia Viễn (Ninh Bình). Cá rô ở đây sẵn cái ăn quanh năm nên to và béo vàng, thịt rắn và ngọt. Loại cá này có thể chế biến thành nhiều món ăn như: rang, rán, nấu canh hoặc kho khô... Nếu uống rượu, người ta thích dùng món rang hoặc rán giòn, còn ăn cơm thường dùng món canh và kho.

- Cách chế biến:

Người ta luộc cá rồi gỡ lấy xương giã (nghiền) lọc lấy nước ngọt nấu canh còn thịt cá rô xào lên cùng các gia vị gừng giã nhỏ, nước mắm ngon, nấu cùng rau cải xanh là thích hợp nhất. Canh chua nhưng không hẳn là chua. Nó có cái chua chua, ngọt ngọt, chua chua của cải chua, của nước dưa, ngọt mát của cà chua, đậu phụ, ngậy, bùi, giòn và thơm của cá rô, tất cả cùng hoà quyện vào nhau làm thành cái hấp dẫn của món đặc sản này.

- Cách thưởng thức: Canh chua cá rô ăn với cơm trong bữa ăn hàng ngày

2.2.4. Nghệ và làng nghề thủ công truyền thống

Ninh Bình hiện có trên 40 nghề thủ công. Những nghề được bảo tồn và phát triển bền vững, ngày càng phát huy được tiềm năng, thế mạnh tiêu biểu là: nghề chế tác đá (ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư), nghề thêu ren (tập trung ở xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư và một số địa phương), nghề chế tác cối (ở địa bàn huyện Kim Sơn), nghề mộc (tập trung nhiều ở xã Ninh Phong, nay thuộc thành phố Ninh Bình), nghề sành gốm ở Long Thịnh (Nho Quan), nghề mây tre đan ở nhiều địa phương.

Mỗi nghề cổ truyền thường có nguồn gốc gắn liền với một vị Thành hoàng, một vị tổ nghề là người có công lao truyền dạy kỹ năng hoặc khẩn hoang lập ấp thời xưa. Cội nguồn mỗi nghề nghiệp, dù đã được huyền thoại hoá thì đó vẫn là những dấu ấn, sắc thái văn hoá đáng tự hào của nhân dân địa phương. Các nghề truyền thống tiêu biểu ở Ninh Bình đều trải qua những thăng trầm, biến cải. Quá trình bảo tồn, phát triển về quy mô các làng, vùng nghề, nâng cao giá trị của sản phẩm đều phải dựa vào những điều kiện cơ bản: truyền thống nghề nghiệp, số nghệ nhân và thợ lành nghề, nguồn nguyên vật liệu, và đặc biệt là nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Từ lâu đời, các nghề truyền thống ở Ninh Bình, cũng như trong cả nước được hình thành và lưu truyền theo lối gia truyền, “tộc truyền” lâu bền qua bao thế hệ, triều đại, song nhìn chung là nhỏ lẻ, chế tác hoàn toàn bằng thủ công. Ngày nay, quy trình chế tác sản phẩm đã qua nhiều tiến bộ.

Hiện tại và trong tương lai, nghề truyền thống ở Ninh Bình, đặc biệt là những nghề tiêu biểu chắc chắn sẽ không ngừng vươn dậy và phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh trong điều kiện, vận hội mới.

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

❖ Chạm khắc đá Ninh Vân (Hoa Lư)

- Vị trí địa lý: Làng nghề Chạm khắc đá Ninh Vân thuộc Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Lịch sử hình thành: Làng nghề này đã có từ rất lâu đời, qua đôi bàn tay của biết bao thế hệ, cùng với những biến cải thăng trầm của lịch sử vẫn được lưu truyền tới ngày nay.

- Nghệ thuật sản xuất và sản phẩm:

+ Xưa kia, nghề đá chủ yếu chế tác ra những sản phẩm thông dụng như chậu cảnh, cối đá, tảng đá cỏ bông, những con giống làm cảnh. Những sản phẩm nghệ thuật cao cấp bằng đá thường chỉ tập trung ở những công trình văn hoá - tín ngưỡng như nhà thờ, đền, chùa mà các nghệ nhân địa phương được mời đến chế tác.

+ Ngày nay, nghề nhân đá Ninh Vân có thể vừa sản xuất tại chỗ, kể cả sản phẩm có quy mô lớn, nặng tới nhiều tấn, vừa có thể chế tác lưu động tại bất kỳ nơi nào trong cả nước, với nhiều loại sản phẩm đá như: tượng thờ, tượng đài, tượng nghệ thuật, bể cảnh, thông đá, các con giống, tứ linh, lư hương, cây đèn, cột trụ...

Với ưu thế về nguồn nguyên vật liệu đá tại địa phương, kỹ năng, bí quyết, và truyền thống nghề nghiệp, nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân có thể đáp ứng hầu như bất kể yêu cầu nào của khách hàng từ khắp mọi miền đất nước.

- Thực trạng khai thác phục vụ du lịch: Làng nghề cũng được nhiều du khách biết đến với nhiều sản phẩm độc đáo. Tuy nhiên làng nghề vẫn chưa thực sự đi vào hoạt động du lịch phục vụ cho du lịch.

❖ Nghề thêu ren Văn Lâm (Ninh Hải - Hoa lư)

- Vị trí địa lý: Làng nghề thêu ren Văn Lâm thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- lịch sử hình thành và phát triển: Tương truyền, năm 1258, khi vua Trần Thái Tông tròn 40 tuổi, nhường ngôi cho con, lên làm Thái Thượng Hoàng đã về vùng núi Vũ Lâm (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư) tu hành và lập căn cứ địa chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ 2 (1285). Bà Trần Thị

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Dung là vợ Thái sư Trần Thủ Độ theo triều đình nhà Trần về đây đã truyền dạy cho nhân dân thôn Văn Lâm nghề thêu ren, từ đó nghề được lưu truyền và ngày càng phát triển.

- Nghệ thuật sản xuất và sản phẩm: Bằng những sợi chỉ mong manh, đủ màu sắc, với đôi bàn tay khéo léo, bộ óc giàu trí sáng tạo, người Văn Lâm đã thả hồn vào chỉ, vào vải để tạo nên những sản phẩm độc đáo và đa dạng như: tranh phong cảnh, ga trải giường, rèm cửa, gối, khăn trải bàn,... Đây sẽ là những món quà lưu niệm ấn tượng dành cho du khách mỗi khi tới tham quan Ninh Bình.

❖ Làng nghề mỹ nghệ cói Kim Sơn

- Vị trí địa lý: Làng nghề Chiếu cói Kim Sơn thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Những yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội nuôi dưỡng làng nghề: Qua hàng trăm năm quai đê lấn biển, Kim Sơn có những bãi sa bồi mênh mông, là xứ sở của cây cói, cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào để nghề chế tác sản phẩm cói không ngừng phát triển.

Những năm gần đây, kinh tế thị trường phát triển, đời sống không ngừng được nâng cao thì nhu cầu về các sản phẩm phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân cũng gia tăng, trong đó có nhu cầu về các sản phẩm bằng cói. Chính vì thế, nghề chế tác sản phẩm cói đã đem lại nguồn thu nhập chiếm tỷ trọng đáng kể cho nhân dân địa phương.

- Sản phẩm: Trước đây, sản phẩm bằng cói ở Kim Sơn chủ yếu là Chiếu cói (chiếu cói Kim Sơn rất bền và đẹp, khó có nơi nào sánh nổi). Ngày nay, các sản phẩm được chế tác từ cói rất phong phú, đa dạng. Ngoài chiếu cói còn có thảm, làn, khay, hộp, đĩa, cốc, tách, mũ, túi xách,... cũng đều được làm từ cây cói.

- Giá trị đối với hoạt động du lịch: Sau khi tham quan Quần thể kiến trúc Nhà thờ đá Phát Diệm, du khách không quên tìm mua một vài sản phẩm làm từ cói ở các cửa hàng lưu niệm ngay cạnh Nhà thờ đá hay dọc theo thị trấn Phát Diệm, để lưu giữ kỷ niệm của chuyến du lịch và làm quà tặng cho bạn bè, người thân.

2.2.5. Nghệ thuật dân gian truyền thống

Ninh bình là một tỉnh nằm ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ nên nơi đây cũng có nhiều loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống như hát xẩm ,hát chầu văn, đặc biệt nơi đây được coi là cái nôi của nghệ thuật hát chèo.

❖ Chèo

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam. Chèo phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ. Loại hình sân khấu này phát triển cao, giàu tính dân tộc. Chèo mang tính quần chúng và được coi là một loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình. Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh và sân khấu Nhật Bản là kịch nô thì đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo.

- Lịch sử hình thành:

Kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) là đất tổ của sân khấu chèo, người sáng lập là bà Phạm Thị Trân một vũ ca tài ba trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ 10, sau phát triển rộng ra đồng bằng Bắc Bộ. Địa bàn phổ biến từ Nghệ - Tĩnh trở ra. Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa dân gian, nhất là trò nhại từ thế kỷ 10. Qua thời gian, người Việt đã phát triển các tích truyện ngắn của chèo dựa trên các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn. Sự phát triển của chèo có một mốc quan trọng là thời điểm một binh sỹ quân đội Mông Cổ đã bị bắt ở Việt nam vào thế kỷ 14. Binh sỹ này vốn là một diễn viên nên đã đưa nghệ thuật Kinh kịch của Trung Quốc vào Việt Nam. Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát.

Vào thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông đã không cho phép biểu diễn chèo trong cung đình, do chịu ảnh hưởng của đạo Khổng. Chèo trở về với nông dân, kịch bản lấy từ truyện viết bằng chữ Nôm. Tới thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở vùng nông thôn Việt Nam và tiếp tục phát triển, đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ 19. Những vở nổi tiếng như Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên xuất hiện trong giai đoạn này. Đến

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

thế kỷ 19, chèo ảnh hưởng của tuồng, khai thác một số tích truyện như Tống Trân, Phạm Tải, hoặc tích truyện Trung Quốc như Hán Sở tranh hùng. Đầu thế kỷ 20, chèo được đưa lên sân khấu thành thị trở thành chèo văn minh. Có thêm một số vở mới ra đời dựa theo các tích truyện cổ tích, truyện Nôm như Tô Thị, Nhị Độ Mai.

Đồng bằng châu thổ sông Hồng luôn là cái nôi của nền văn minh lúa nước của người Việt. Mỗi khi vụ mùa được thu hoạch, họ lại tổ chức các lễ hội để vui chơi và cảm tạ thần thánh đã phù hộ cho vụ mùa no ấm. Nhạc cụ chủ yếu của chèo là trống chèo. Chiếc trống là một phần của văn hoá cổ Việt Nam, người nông dân thường đánh trống để cầu mưa và biểu diễn chèo.

- Các đặc trưng của chèo:

+ Nội dung:

Không giống tuồng chỉ ca tụng hành động anh hùng của các giới quyền quý, chèo còn miêu tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn. Nhiều vở chèo còn thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Trong chèo, cái thiện luôn thắng cái ác, các sỹ tử tốt bụng, hiền lành, luôn đỗ đạt, làm quan còn người vợ thì tiết nghĩa, cuối cùng sẽ được đoàn tụ với chồng. Các tích trò chủ yếu lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm; ca vũ nhạc từ dân ca dân vũ; lời thơ chủ yếu là thơ dân gian. Lối chèo thường diễn những việc vui cười, những thói xấu của người đời như các vai: Thầy mù, Hương câm, Đồ điếc, Quan Âm Thị Kính. Ngoài ra chèo còn thể hiện tính nhân đạo, như trong vở Trương Viên.

Chèo luôn gắn với chất "trữ tình", thể hiện những xúc cảm và tình cảm cá nhân của con người, phản ánh mối quan tâm chung của nhân loại: tình yêu, tình bạn, tình thương.

+ Nhân vật trong chèo:

Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ, chuẩn hóa và rập khuôn. Tính cách của các nhân vật trong chèo thường không thay đổi với chính vai diễn

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

đó. Những nhân vật phụ của chèo có thể đổi đi và lặp lại ở bất cứ vở nào, nên hầu như không có tên riêng. Có thể gọi họ là thầy đồ, phú ông, thừa tướng, thư sinh, hề v.v...Tuy nhiên, qua thời gian, một số nhân vật như Thiệt Thê, Thị Kính, Thị Mầu, Sứ Vân đã thoát khỏi tính ước lệ đó và trở thành một nhân vật có cá tính riêng.

Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò..."Hề" là một vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Anh hề được phép chế nhạo thoải mái cũng như những anh hề trong cung điện của vua chúa Châu Âu. Các cảnh diễn có vai hề là nơi để cho người dân đá kích những thói hư tật xấu của xã hội phong kiến hay kể cả vua quan, những người có quyền, có của trong làng xã. Có hai loại hề chính bao gồm :hề áo dài và hề áo ngắn

+ Kỹ thuật kịch:

Đây là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, những danh từ chèo sân đình, chiếu chèo cũng phát khởi từ đó. Đặc điểm nghệ thuật của chèo bao gồm yếu tố kịch tính, kỹ thuật tự sự, phương pháp biểu hiện tính cách nhân vật, tính chất ước lệ và cách điệu. Ngôn ngữ chèo có những đoạn sử dụng những câu thơ chữ Hán, điển cố, hoặc những câu ca dao với khuôn mẫu lục bát rất tự do, phóng khoáng về câu chữ.

Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu Châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Do vậy, vở kịch kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người nghệ sỹ hay đòi hỏi của khán giả. Không giống các vở opera buộc các nghệ sỹ phải thuộc lòng từng lời và hát theo nhạc trưởng chỉ huy, nghệ sỹ chèo được phép tự do bẻ làn, nắn điệu để thể hiện cảm xúc của nhân vật. Số làn điệu chèo theo ước tính có khoảng trên 200.

+ Nhạc cụ:

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống com, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói " phi trống bất thành chèo" chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu v.v...

❖ Châu văn

- Lịch sử hình thành: Về nguồn gốc hình thành, căn cứ vào một số nguồn sử sách thì sớm nhất nghệ thuật hát châu văn, "hát trước mặt đế vương" đã hình thành từ thời Trần (thế kỷ XIII) ở nước ta.

- Hình thức biểu diễn: Châu văn cổ truyền là một loại hình nghệ thuật đàn hát, có kết hợp với lên đồng (biểu diễn trong vai các chư vị thần linh). "Châu văn" nghĩa là: Văn châu Thánh. Hát châu văn nghĩa là hát những bài văn đề châu Thánh. Đây vốn là một thể thức diễn xướng tổng hợp, gồm có đàn, hát, múa..., một thể thức biểu hiện có dung nạp trong đó các yếu tố nghệ thuật và tín ngưỡng dân gian.

- Địa điểm biểu diễn: Châu văn xưa kia được lưu hành chủ yếu trong không gian các đền, miếu, phủ và tập trung phổ biến tại các lễ hội truyền thống, khắp các địa phương trong nước. Với hát và diễn xướng (múa), châu văn chính là một dạng thức nghệ thuật dân gian (folklore) tổng hợp.

- Các làn điệu dân ca: Sự hình thành, lưu truyền, bổ sung, giao thoa, biến hoá của các dạng thức nghệ thuật dân gian của dân tộc nói chung, trong đó có nghệ thuật hát châu văn (bao gồm cả đàn, hát và diễn xướng) là cả quá trình lâu dài, phức tạp.

Về âm nhạc, đến nay nghệ thuật hát châu văn đã trải qua nhiều sự biến đổi, thêm bớt về tiết tấu, điệu thức.

- Không gian của châu văn cổ truyền: Là nơi trước điện thờ. Hát châu văn trong các đền, phủ, miếu thường có kết hợp với hầu bóng (nhập vai mẫu hay một chư vị thần thánh nào đó). Người xưa quan niệm đó là một phương cách hữu

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

hiệu để mọi người có thể giao tiếp với các mẫu, với các chư vị nhân thần để bày tỏ nguyện vọng và nỗi niềm thâm kín. Đặc biệt, các mẫu trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam là biểu tượng có cội nguồn từ sâu thẳm nơi ký ức của cả cộng đồng dân tộc...

Trong mỗi dịp lễ hội, ngày xuân, dịp “Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ”, các cung văn (người đàn, hát châu văn) được dịp trở tài những ngón đàn, điệu hát đặc sắc và trao đổi, học hỏi lẫn nhau.

Trong cuộc đời “tác nghiệp” của mình, mỗi cung văn thường đi đây đó nhiều nơi để vừa hành nghề, vừa học hỏi đồng nghiệp. Có những cung văn đã nhập tâm được hầu hết các giá văn châu mẫu, châu các ông hoàng, bà chúa. Song có lẽ hơn ai hết, các cung văn người địa phương (nơi có đền, phủ thường có hát châu văn) có điều kiện thuận lợi để tiếp thu được tinh hoa sáng tạo đặc sắc về đàn và hát được quy tụ về đây từ bốn phương.

Từ trong các đền, phủ, miếu với vai trò là một phương tiện nghệ thuật phục vụ tín ngưỡng, nghệ thuật hát châu văn đã “chuyên mình”, được đưa lên sân khấu, truyền lên làn sóng điện vào khoảng đầu thập kỷ sáu mươi của thế kỷ trước để đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hoá nghệ thuật của đông đảo nhân dân. Đó dường như là một quy luật. Đã có người nhận xét: “Người đương thời hát dân ca theo tâm trạng và nhạc điệu của thời đại mình. Tới giai đoạn lịch sử chín muồi, bản thân nó sẽ bùng lên và trở thành một “cái khác” mới hơn, mạnh hơn, tiến bộ hơn. Sự chuyên mình của một vùng dân ca nào đó lên sân khấu là một nhu cầu chính đáng và cấp bách trong đời sống văn hoá”.

Nói một cách khác, nghệ thuật hát châu văn vốn từ nơi thờ cúng, từ không gian tâm linh xưa kia, được phổ biến rộng rãi trong đời thường, chính là từ cõi thiêng bước ra cõi tục.

Đến nay đã có nhiều bài hát quen thuộc có tên gọi mới là hát văn. Về cơ bản, các bài hát văn đều có nội dung ca ngợi đất nước, quê hương, ngợi ca đời sống, nhịp sống mới, với những chất liệu âm nhạc đặc sắc, tươi vui, sống động được chắt lọc từ âm nhạc châu văn cổ truyền.

2.3. Thực trạng hoạt động du lịch

Các tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh Ninh Bình hiện cũng đang trong tình trạng khai thác thiếu cân đối, thiếu hiệu quả. Ngoài khu vực Cố đô Hoa Lư, chùa Bích Động, đền Thái Vi là những địa bàn thường tập trung đông khách du lịch, tuy nhiên các khu vực này đã được quy hoạch nên việc tổ chức phân luồng giao thông đi lại tương đối thuận lợi. Một số điểm khác như Chùa Dâu, đền Quán Cháo, núi chùa Non Nước là những điểm du lịch tín ngưỡng tâm linh lớn, khách hành hương đến đây không chỉ là người dân trong tỉnh mà ở khắp cả nước, trong khi 2 điểm này lại nằm sát đường quốc lộ 1A nhưng chưa được quan tâm khai thác phục vụ du lịch.

Mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong những năm gần đây đã được xây dựng tương đối hợp lý, rộng khắp toàn tỉnh ô tô đi được tới tất cả các xã trong tỉnh, việc đi lại thuận tiện, nhanh chóng. Toàn tỉnh hiện có 2.278,2km đường bộ và 496km đường sông với các tuyến quan trọng nối liền thành phố với các huyện lỵ và tỏa đi các xã. Các tuyến đường từ tỉnh xuống huyện được nâng cấp rải nhựa ô tô đi đến 100% số xã phường.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch được chú trọng, nhiều hạng mục công trình được đôn đốc thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng như khu du lịch sinh thái Tràng An, dự án nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt - Thạch Bích - Thung Nắng... Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch được đẩy mạnh. Công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự được đảm bảo. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng Quy chế quản lý hoạt động bán hàng, xe ôm, chụp ảnh, trông giữ xe tại Khu chùa Bái Đính, xây dựng bài thuyết minh về Khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính; phối hợp với Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, UBND xã Gia Sinh mở lớp đào tạo, cấp thẻ chụp ảnh, xe ôm, người bán hàng.

Để đảm bảo an ninh trật tự khu vực núi chùa Bái Đính, Giám đốc công an tỉnh đã ra quyết định thành lập cụm an ninh khu vực Bái Đính, gồm 5 - 6 cán bộ chiến sĩ công an chính quy, phụ trách cụm 4 xã Gia Minh, Gia Phong, Gia Lạc, Gia Sinh. Ngay sau khi thành lập, Cụm an ninh này đã tích cực phối hợp với

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

công an các xã trong khu vực, nhất là công an xã Gia Sinh duy trì thường xuyên chế độ trực, bảo vệ tại địa bàn khu vực quanh núi chùa Bái Đính.

Tổng doanh thu thuần túy du lịch của tỉnh Ninh Bình trong những năm qua có sự tăng trưởng đáng kể. Nếu như năm 1995 tổng doanh thu của toàn ngành du lịch mới đạt 8,55 tỷ đồng thì đến năm 2000 đã tăng lên gấp 3,27 lần để đạt mức 28 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995 – 2000 là 26,78%/năm.

Đến năm 2005 (tức là sau 10 năm thực hiện quy hoạch), doanh thu du lịch thuần đã đạt 63,18 tỷ đồng tăng gấp 7,39 lần so với khi bắt đầu thực hiện quy hoạch, năm 2006 toàn ngành du lịch Ninh Bình thu được 87,98 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng trung bình về doanh thu du lịch giai đoạn 2001 – 2006 đạt 23,6%/năm. Chính do điểm xuất phát của du lịch Ninh Bình thấp, nên trong giai đoạn đầu của sự phát triển tốc độ tăng trưởng ở mức cao, những năm tiếp theo du lịch Ninh Bình mặc dù đã tăng chậm lại nhưng vẫn duy trì được mức tăng trưởng đáng khích lệ.

Với mức tăng trưởng về doanh thu du lịch nói trên, ngành du lịch Ninh Bình cũng góp phần đáng kể trong việc tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2.4. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở kế thừa những tài liệu điều tra, nghiên cứu của về tài nguyên du lịch tự nhiên của Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình cùng với kết quả điều tra của bản thân tác giả về tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình, tôi đưa ra những đánh giá tổng hợp chung nhất về tài nguyên du lịch của tỉnh Ninh Bình như sau:

Ninh Bình với vị trí địa lý thuận lợi, lại nằm trong vùng tiếp giáp giữa đồng bằng và miền núi, lại nằm trong một khu vực trũng tiếp giáp Biển Đông, tạo cho tỉnh có một dạng địa hình đa dạng, có nhiều tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch: Du lịch tham quan nghỉ dưỡng, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa – tín ngưỡng tâm linh... Các di tích danh thắng như Vườn Quốc Gia Cúc Phương, Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Tam Cốc – Bích động, khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân

Long...đều có sức hấp dẫn đối với du khách.

Với lịch sử hình thành lâu đời, lại có truyền thống đấu tranh anh dũng, cần cù,lao động chất phác, thật thà đã tạo nên một sắc thái văn hóa đặc trưng riêng có của Ninh Bình. Các lễ hội như lễ hội Trường Yên, lễ hội đền Thái Vi, lễ hội chùa Bái Đính...Các làng nghề thủ công truyền thống như làng thêu ren Ninh Hải, làng nghề chiếu cói Kim Sơn, làng chạm khắc đá Ninh Vân...góp phần tạo nên một hệ thống tài nguyên văn hóa hấp dẫn, có giá trị để phát triển du lịch.

Với vị trí thuận lợi trong giao thông, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có cả đường sắt và đường bộ chảy qua thuộc hệ thống đường giao thông huyết mạch xuyên suốt Bắc – Nam, có đường Hồ Chí Minh chạy qua...nếu biết liên kết với các tỉnh, thành phố lớn thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh miền núi Tây Bắc và Trung Bộ thì sẽ tạo được những tuyến du lịch hấp dẫn, có khả năng đón tiếp cả khách du lịch nội địa và quốc tế.

Đánh giá chung theo tác giả Đặng Duy Lợi căn cứ vào ý nghĩa thực tiễn đặt ra trước yêu cầu đánh giá cần dựa vào 5 yếu tố chính để đánh giá sau đây:

1. Độ hấp dẫn

Độ hấp dẫn là yếu tố có tầm quan trọng hàng đầu để thu hút khách du lịch. Nó có tính chất tổng hợp và thường được xác định bằng vẻ đẹp của phong cảnh, sự đa dạng của địa hình, sự thích hợp của khí hậu, sự đặc sắc và độc đáo của các hiện tượng và di tích tự nhiên.

Độ hấp dẫn của khu vực đánh giá có thể được đánh giá theo 4 bậc tương ứng với mức độ thuận lợi với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

a. Rất hấp dẫn: Có trên 5 phong cảnh đẹp, đa dạng. Có 6 hiện tượng di tích đặc sắc, độc đáo đáp ứng được trên 5 loại hình du lịch.

b. Khá hấp dẫn: Có 3 – 5 phong cảnh đẹp, đa dạng. Có 2 hiện tượng di tích đặc sắc, đáp ứng 3 – 5 loại hình du lịch.

c. Trung bình: Có 1 – 2 phong cảnh đẹp. Có 1 hiện tượng di tích đáp ứng 1-2 loại hình du lịch.

d. Kém: Phong cảnh đơn điệu đáp ứng 1 loại hình du lịch.

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Xác định độ hấp dẫn tại các huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, căn cứ vào những hiện tượng di tích đặc sắc, những cảnh quan nhân văn tiêu biểu, có chất lượng cao, đồng thời kết hợp với khả năng số loại hình du lịch đối với mục đích đi du lịch của khách du lịch. Cụ thể được biểu hiện qua bảng sau:

Bảng 6: Độ hấp dẫn khách du lịch

Huyện, thị xã, thành phố	Những di tích và danh thắng cấp quốc gia	Những di tích xếp hạng cấp tỉnh	Tổng	Số loại hình du lịch	Số điểm
Thành phố Ninh Bình	4	14	18	4	9
Hoa Lư	26	10	36	5	12
Gia Viễn	14	27	41	2	9
Nho Quan	7	16	23	4	9
TX.Tam Điệp	1	3	4	2	6
Yên Mô	11	22	33	3	9
Yên Khánh	12	30	32	3	9
Kim Sơn	4	17	21	3	9
Điểm tổng hợp					$\frac{72}{8} = 9$ khá hấp dẫn

Nguồn : Sở văn hóa thể thao và du lịch

Đánh giá độ hấp dẫn của 8 huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, tính trung bình cộng để đưa ra được đánh giá chung nhất cho toàn tỉnh là ở mức độ khá hấp dẫn tương ứng với mức điểm là 9 điểm.

Căn cứ vào bảng trên có thể thấy Hoa Lư là điểm rất hấp dẫn khách du lịch với nhiều tài nguyên nhân văn và đa dạng loại hình du lịch, có 6 điểm có sức hút khá hấp dẫn khách du lịch là: Kim Sơn, TP Ninh Bình, Yên Khánh, Yên Mô, Nho Quan, Gia Viễn và có 2 điểm có sức hấp dẫn khách du lịch trung bình là TX Tam Điệp và huyện Yên Khánh.

2. Thời gian hoạt động du lịch

Thời gian hoạt động du lịch được xác định bởi số thời gian thích hợp nhất của các điều kiện khí hậu đối với sức khỏe của khách du lịch và số thời gian thuận lợi nhất cho việc triển khai các hoạt động du lịch.

Thời gian hoạt động du lịch quyết định tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động du lịch, từ đó liên quan trực tiếp đến phương hướng khai thác, đầu tư, kinh doanh phục vụ tịa điểm du lịch.

Thời gian hoạt động du lịch ở của khu vực đánh giá có thể được đánh giá theo 4 bậc tương ứng với mức độ thuận lợi với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

a. Rất dài: Có trên 200 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và trên 180 ngày trong năm, có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe con người.

b. Khá dài: có 150 – 200 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và 120 – 180 ngày có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe con người.

c. Trung bình: có 100 – 150 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và 90 – 120 ngày có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe con người.

d. Ngắn: có dưới 100 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và 90 ngày có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe con người.

Số ngày có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và số ngày có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe của con người trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7: Thời gian hoạt động du lịch

Huyện, thị xã, thành phố	Số ngày có thể triển khai du lịch	Số ngày có điều kiện thích hợp nhất	Số điểm
Thành phố Ninh Bình	150 - 200	120 - 180	9
Hoa Lư	200 - 210	150 - 210	12
Gia Viễn	150 - 200	120 - 180	9
Nho Quan	150 - 200	120 - 180	9
TX.Tam Điệp	100 - 150	90 - 120	6
Yên Mô	150 - 200	120 - 180	9
Yên Khánh	150 - 200	120 - 180	9
Kim Sơn	200 - 210	150 - 210	12
Điểm tổng hợp			$\frac{75}{8} = 9,3$ Khá thuận lợi

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Đánh giá thời gian hoạt động của 8 huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, tính trung bình cộng để đưa ra được đánh giá chung nhất cho toàn tỉnh là ở mức độ khá thuận lợi tương ứng với mức điểm là 9,3 điểm.

Quan sát bảng ta thấy những huyện có thời gian hoạt động du lịch rất dài là huyện Hoa Lư, và Kim Sơn. Những huyện có thời gian hoạt động du lịch khá dài là Tp Ninh Bình, Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô, Yên Khánh. Thị xã Tam Điệp là nơi có số ngày hoạt động du lịch ngắn nhất trên địa bàn tỉnh.

3. Sức chứa của khách du lịch

Sức chứa của khách du lịch đối với mỗi khu vực là tổng sức chứa tại mỗi địa điểm du lịch. Sức chứa khách du lịch phản ánh khả năng và quy mô triển khai hoạt động du lịch tại mỗi điểm du lịch và được xác định bằng các chỉ tiêu đã được xác lập qua khảo sát, thiết kế, thực nghiệm và kinh nghiệm thực tế:

- a. Rất lớn: Có sức chứa trên 1000 người/ngày

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

- b. Khá lớn: Có sức chứa 500 – 1000 người/ngày
- c. Trung bình: Có sức chứa 100 – 500 người/ngày
- d. Nhỏ: Có sức chứa dưới 100 người/ngày

Sức chứa khách du lịch tại các huyện và thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8: Sức chứa khách du lịch

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khả năng sức chứa tại điểm du lịch (người/ngày)	Số điểm
1	Thành phố Ninh Bình	>1000	8
2	Hoa Lư	>1000	8
3	Gia Viễn	500 - 1000	6
4	Nho Quan	600 – 1000	6
5	TX.Tam Điệp	>100	2
6	Yên Mô	100 - 500	4
7	Yên Khánh	100 – 500	4
8	Kim Sơn	600 - 1000	6
Điểm tổng hợp			$\frac{46}{8} = 5,7$ Khá lớn

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Đánh giá sức chứa khách du lịch của 8 huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, tính trung bình cộng để đưa ra được đánh giá chung nhất cho toàn tỉnh là ở mức độ khá lớn tương ứng với mức điểm là 5,2 điểm.

Như vậy chỉ có các điểm du lịch ở Hoa Lư là có sức chứa khách du lịch rất lớn so với các huyện, thị khác trong tỉnh. Những huyện có sức chứa khá lớn là TP Ninh Bình, Gia Viễn, Nho Quan, Kim Sơn. Những huyện có sức chứa trung bình là Yên Mô, Yên Khánh. Tam Điệp là nơi có sức chứa khách du lịch nhỏ nhất.

4. Vị trí của điểm du lịch

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Vị trí của điểm du lịch đối với nơi cung cấp nguồn khách du lịch chủ yếu có ý nghĩa rất quan trọng trong công việc triển khai hoạt động du lịch ở đó.

a. Rất thích hợp: Khoảng cách 10 – 100km, thời gian đi đường nhỏ hơn 3h, có thể đi bằng 2 – 3 loại phương tiện thông dụng.

b. Khá thích hợp: Khoảng cách 100 – 200km, thời gian đi đường 3 – 4h, có thể đi bằng 2 – 3 loại phương tiện thông dụng.

c. Trung bình: Khoảng cách trên 200 – 500km, thời gian đi 5h, có thể đi bằng 1 – 2 loại phương tiện thông dụng.

d. Kém thích hợp: Khoảng cách trên 500km, thời gian đi đường lớn hơn 5h, có thể đi bằng 1 – 2 loại phương tiện thông dụng.

Vị trí của điểm du lịch được xác định dựa trên cơ sở khoảng cách từ nơi cung cấp nguồn khách du lịch đến điểm du lịch và loại phương tiện giao thông có thể tới được điểm du lịch cũng như thời gian đến điểm du lịch. Xác định địa bàn du lịch Ninh Bình lấy thủ đô Hà Nội làm trung tâm đến các điểm du lịch trong tỉnh. Như vậy TP Ninh Bình là điểm cơ bản thuận lợi nhất. Cụ thể được xác định như sau:

Bảng 9: Vị trí của điểm du lịch

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khoảng cách (km)	Loại phương tiện (số loại)	Số thời gian (giờ)	Số điểm
1	TP Ninh Bình	90 – 100			8
2	Hoa Lư	100 – 120	2 – 3	<3h	6
3	Gia Viễn	115 – 125	2 – 3	<3h	6
4	Nho Quan	135 – 145	2 – 3	>3h	6
5	TX.Tam Điệp	110 – 115	2 – 3	<3h	6
6	Yên Mô	115 – 120	1 - 2	<3h	6
7	Yên Khánh	115 – 120	1 – 2	<3h	6
8	Kim Sơn	130 – 140	1 – 2	>3h	6
Điểm tổng hợp					$\frac{50}{8} = 6,2$ Khá thích hợp

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

Đánh giá vị trí điểm du lịch của 8 huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, tính trung bình cộng để đưa ra được đánh giá chung nhất cho toàn tỉnh là ở mức độ khá thích hợp tương ứng với mức điểm là 5,5 điểm.

Nhìn trên bảng tổng hợp thấy được hầu hết các huyện, thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có vị trí khá thuận lợi cho hoạt động du lịch xuất phát từ trung tâm TP.Ninh Bình. Những huyện có vị trí rất thích hợp là huyện Hoa Lư, TX.Tam Điệp, những huyện còn lại đều có vị trí khá thuận lợi cho việc di chuyển với khoảng cách gần và có thể đi bằng 2 – loại phương tiện thông dụng.

5. Cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật du lịch

Cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật du lịch có ý nghĩa quyết định đến hoạt động du lịch, nếu thiếu nó thì hoạt động du lịch không có điều kiện thuận lợi để tiến hành, thậm chí có khi phải hoãn hoặc nếu có triển khai thì sẽ có những tác động tiêu cực làm phương hại tới độ bền vững của môi trường tự nhiên. Nơi nào chưa xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch dù có điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thuận lợi thì cũng chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng.

- a. Rất tốt: Có cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- b. Khá tốt: Có cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch tương đối đồng bộ, đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc gia.
- c. Trung bình: Có được một số cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch nhưng chưa đồng bộ, chưa đủ đủ tiện nghi.
- d. Kém: còn thiếu nhiều cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch, số đã có thì có chất lượng thấp và có tính chất tạm thời.

Đối chiếu với những mức độ thích hợp theo tiêu chuẩn đặt ra cho việc xác định điểm – tuyến du lịch và dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật. Hệ số điểm ở các huyện, thị được xác định như sau:

Bảng 10: Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật

STT	Huyện, thị	Cơ sở hạ tầng	Cơ sở vật chất kỹ thuật	Số điểm
1	TP.Ninh Bình	Khá tốt	Khá tốt	9
2	Hoa Lư	Khá tốt	Trung bình	9
3	Gia Viễn	Trung bình	Trung bình	6
4	Nho Quan	Trung bình	Trung bình	6
5	TX.Tam Điệp	Trung bình	Kém	6
6	Yên Mô	Kém	Kém	3
7	Yên Khánh	Kém	Kém	3
8	Kim Sơn	Trung bình	Trung bình	6
Điểm tổng hợp				$\frac{48}{8} = 6$ Trung bình

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Đánh giá cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch của 8 huyện, thị trong tỉnh Ninh Bình, tính trung bình cộng để đưa ra được đánh giá chung nhất cho toàn tỉnh là ở mức độ trung bình tương ứng với mức điểm là 6 điểm.

Theo đánh giá tổng hợp trên có TP Ninh Bình và huyện Hoa Lư có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt. Những huyện có mức độ trung bình là Gia Viễn, Nho Quan, TX Tam Điệp, Kim Sơn. Còn lại hai huyện Yên Mô Và Yên Khánh có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật kém.

Thông qua năm chỉ tiêu để phân định mức độ tầm quan trọng của các điểm du lịch có trên lãnh thổ. Từ đó xác định những tuyến du lịch cơ bản và đề ra định hướng khai thác cho từng thời kỳ trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch theo lãnh thổ.

Mặt khác đối với việc xác định điểm – tuyến du lịch, vai trò của mỗi chỉ tiêu có ý nghĩa khác nhau. Dựa vào tầm quan trọng của các chỉ tiêu đặt ra một hệ số thích hợp bao gồm: Chỉ tiêu có ý nghĩa rất quan trọng: Hệ số 3; Chỉ tiêu có ý nghĩa quan trọng: Hệ số 2 và chỉ tiêu có ý nghĩa hệ số 1. Như vậy theo mức độ

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

quan trọng của chỉ tiêu có 3 mức điểm:

Những chỉ tiêu rất quan trọng có thang điểm là: 12, 9, 6, 3

Những chỉ tiêu quan trọng: 8, 6, 4, 2

Những chỉ tiêu có ý nghĩa: 4, 3, 2, 1

- Những chỉ tiêu được xác định có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc xác định điểm tuyến du lịch có hệ số 3 bao gồm: Độ hấp dẫn; thời gian hoạt động du lịch; cơ sở hạ tầng; vật chất kỹ thuật du lịch.

- Những chỉ tiêu được xác định có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định điểm – tuyến du lịch có hệ số 2 bao gồm: sức chứa của khách du lịch và vị trí điểm du lịch.

- Chỉ tiêu có ý nghĩa đối với việc xác định điểm – tuyến du lịch là mức độ phá hủy của các thành phần tự nhiên.

Điểm đánh giá tổng hợp của các chỉ tiêu theo 4 mức độ và hệ số của nó thể hiện như sau:

Bảng 4: Điểm đánh giá tổng hợp các chỉ tiêu

STT	Nội dung chỉ tiêu	Rất thuận lợi	Khá thuận lợi	Trung bình	Kém
1	Độ hấp dẫn khách du lịch	12	9	6	3
2	Thời gian hoạt động	12	9	6	3
3	Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật	12	9	6	3
4	Sức chứa của khách du lịch	8	6	4	2
5	Vị trí của điểm du lịch	8	6	4	2
	Tổng số	52	39	36	13

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Điểm đánh giá bao gồm số điểm đánh giá riêng của từng yếu tố và số điểm đánh giá tổng hợp.

Điểm đánh giá riêng của từng yếu tố là số điểm của các bậc đánh giá nhân với hệ số của yếu tố. Như vậy, điểm đánh giá riêng cao nhất của yếu tố có hệ số cao nhất là 12 điểm và điểm đánh giá riêng thấp nhất của yếu tố có hệ số thấp nhất là 1 điểm.

Điểm đánh giá tổng hợp là tổng số các điểm đánh giá riêng của từng yếu tố.

Điểm đánh giá tổng hợp cao nhất là tổng số các điểm đánh giá riêng cao nhất là 52 điểm.

Điểm đánh giá tổng hợp thấp nhất là tổng số các điểm đánh giá riêng thấp nhất là 13 điểm.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp của mỗi khu vực đánh giá có thể xác định mức độ thuận lợi của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên nhân văn phục vụ mục đích du lịch như sau:

Bảng 5: Sự phân hóa các mức điểm khác nhau

STT	Mức xác định	Số điểm	Chiếm tỷ lệ % so với số điểm tối đa
1	Rất quan trọng	39 – 52	75% - 100%
2	Khá quan trọng	36 – 38	69% - 74%
3	Trung bình	13 – 35	25% - 68%
4	kém	≤ 13	≤ 25%

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Đối với việc xác định các điểm du lịch ở trong địa bàn một tỉnh, người ta dựa vào đơn vị hành chính là cấp huyện để tính toán. Vì trên mỗi huyện phản ánh đầy đủ các yếu tố của các chỉ tiêu. Mặt khác mỗi điểm du lịch cũng là biểu hiện đặc trưng cho phát triển du lịch trên từng huyện, thị, thành phố mà cụ thể là trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Kết quả của việc xác định các chỉ tiêu được thể hiện như sau:

Tổng hợp kết quả các chỉ tiêu sau khi phân tích các chỉ tiêu thành phần ta có bảng sau:

Bảng 11: Tổng hợp các chỉ tiêu

STT	Yếu tố	Số điểm	Mức đánh giá
1	Độ hấp dẫn	9	Khá hấp dẫn
2	Thời gian hoạt động du lịch	9,3	Khá thuận lợi
3	Sức chứa khách du lịch	5,2	Khá lớn
4	Vị trí điểm du lịch	5,5	Khá thuận lợi
5	Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch	6	Trung bình
Đánh giá tổng hợp		36,2	$\frac{36,2}{52} \times 100 = 70\%$ Khá thuận lợi

Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình

Sau khi tổng hợp được số điểm của các yếu tố, tính trung bình cộng của các yếu tố và tổng số các điểm đánh giá riêng cao nhất tính được mức độ thuận lợi cho hoạt động du lịch của tỉnh Ninh Bình là khá thuận lợi tương ứng với 67,3% nằm trong khoảng đánh giá tổng hợp từ 69% – 74%

Từ kết quả trên cho thấy điều kiện tự nhiên cũng như xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tại những nơi có nguồn tài nguyên nhân văn khá thuận lợi cho phát triển hoạt động du lịch.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đi sâu vào việc phân tích nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh Ninh Bình. Qua những phân tích này có thể đánh giá sơ bộ về khả năng phát triển du lịch văn hóa của tỉnh. Ninh Bình là tỉnh tập trung nhiều tài nguyên nhân văn lại là kinh đô xưa của nước Đại Việt nên có nhiều di tích lịch sử tiêu biểu như: Cố đô Hoa Lư, Chùa Bái Đính, Nhà thờ đá Phát Diệm...nhiều lễ hội đặc sắc tiêu biểu như lễ hội Cố đô Hoa Lư, lễ hội chùa Bái Đính...Các làng nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm độc đáo, đặc trưng của Ninh Bình cùng với văn hóa ẩm thực nổi bật của từng địa phương đã thu hút được rất nhiều du khách tới tham quan và thưởng thức.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAİ THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN NINH BÌNH

3.1. Định hướng phát triển du lịch Ninh Bình

3.1.1. Vị trí du lịch Ninh Bình trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Là một địa phương nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, sự phát triển kinh tế - xã hội Ninh Bình trong một thời gian dài dựa trên kinh tế truyền thống là nông nghiệp. Cùng với sự phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của đất nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Bình cũng đã xác định vai trò của công nghiệp và dịch vụ, trong đó du lịch được đánh giá là ngành kinh tế có nhiều triển vọng trên cơ sở khai thác những lợi thế về vị trí và tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương.

- Ý thức được vai trò của du lịch, Ninh Bình là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện xây dựng “ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thời kỳ 1995 – 2010 ” làm cơ sở cho việc quản lý và phát triển ngành kinh tế đầy tiềm năng này. Những năm qua Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình khóa XIV đã ra nghị quyết 03 – NQ/TU ngày 18/12/2001 về phát triển du lịch đến giai đoạn 2010. Điều này thể hiện sự quan tâm và đánh giá cao vai trò của du lịch Ninh Bình trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Những năm trước, Ninh Bình vẫn luôn được xác định là một tỉnh nông nghiệp nên xác định cơ cấu kinh tế Nông nghiệp – Công nghiệp – Dịch vụ - Du lịch. Tuy nhiên thực tế phát triển du lịch Ninh Bình trong những năm qua đã cho thấy du lịch ngày càng có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng doanh thu của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình trong những năm qua đã có sự tăng trưởng đáng kể. Nếu như năm 1995 tổng doanh thu của toàn ngành du lịch mới đạt 8,55 tỷ đồng thì đến năm 200 đã tăng lên gấp

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

3,27 lần để đạt mức 28 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995 – 2000 là 26,78%/năm. Đến năm 2005 doanh thu du lịch đã đạt 63,18 tỷ đồng tăng gấp 7,39 lần so với khi bắt đầu thực hiện quy hoạch (đây là doanh thu thuần túy về du lịch, nếu tính cả doanh thu xã hội từ hoạt động du lịch ước đạt 205 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng về doanh thu du lịch giai đoạn 2000 – 2005 đạt 17,68%/năm. Giá trị gia tăng ngành du lịch tăng với tốc độ khá cao, trung bình đạt 29,05% cho giai đoạn 2000 – 2005. Nếu như năm 2001 tỷ trọng GDP du lịch trong GDP chung của tỉnh mới là 0,31% thì năm 2005 đã đạt 0,63%. Mặc dù chỉ số còn thấp, chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng, tuy nhiên có thể thấy triển vọng rất lớn của du lịch, đặc biệt khi các khu du lịch trọng điểm của tỉnh được đầu tư hoàn chỉnh và đi vào hoạt động. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh nếu chọn du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn là hoàn toàn cơ sở và phù hợp với chiến lược phát triển du lịch chung của cả nước.

- Bên cạnh vai trò kinh tế, phát triển du lịch còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc tạo ra sự gia tăng của các ngành kinh tế có liên quan như thương mại, giao thông vận tải, xây dựng, sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp... Hơn thế nữa, sự phát triển du lịch Ninh Bình còn tạo cơ hội cho cộng đồng địa phương có thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập thông qua việc tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch qua đó từng bước xây dựng một nông thôn mới, một nông thôn văn minh lý du lịch – dịch vụ làm cơ sở để phát triển trù phú, thịnh vượng.

3.1.2. Vị trí, vai trò du lịch Ninh Bình đối với du lịch cả nước

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 307/TTg ngày 24/5/1995 và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã xác định tổ chức không gian du lịch Việt Nam gồm 3 vùng du lịch với 7 trọng điểm ưu tiên phát triển, trong đó có trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận nằm trong vùng du lịch Bắc Bộ.

Vùng du lịch Bắc Bộ, với thủ đô Hà Nội là trung tâm vùng, trải dài từ Hà Giang đến Hà Tĩnh gồm 29 tỉnh, thành phố, nơi có tiềm năng du lịch phong phú và đa dạng, trong đó có nhiều tài nguyên du lịch đặc sắc mà tiêu biểu là di sản

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. Với các trung tâm du lịch quan trọng là Hà Nội và phụ cận, Hải Phòng – Quảng Ninh; với nhiều điểm du lịch nổi tiếng như Sa Pa, Ba Bể, Tam Đảo, Đền Hùng, Cố đô Hoa Lư, Yên Tử, Ba Vì...trong thời gian qua, vùng du lịch Bắc Bộ luôn thu hút một số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước, trong đó tỷ lệ khách du lịch quốc tế đến vùng luôn đạt gần 40% số lượt khách đi lại giữa các địa phương trong cả nước.

So với các địa phương trong trung tâm du lịch và phụ cận, Ninh Bình là một tỉnh có diện tích không lớn, tuy nhiên lại là nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch phong phú và đặc sắc với nhiều địa danh nổi tiếng như Cúc Phương, nhà thờ đá Phát Diệm, nước khoáng nóng Kênh Gà, đặc biệt là khu vực Cố đô Hoa Lư, Tam Cốc – Bích Động, cùng với các tài nguyên mới được phát hiện như khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long, quần thể hang động Tràng An...là những điểm tài nguyên du lịch rất có giá trị mà không phải địa phương nào cũng có được. Vì vậy phát triển du lịch Ninh Bình sẽ là động lực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận từ đó góp phần tích cực vào phát triển du lịch vùng du lịch Bắc Bộ và du lịch cả nước.

Đặt Ninh Bình trong bối cảnh phát triển của không gian thủ đô Hà Nội mở rộng và trong mối quan hệ với các tỉnh thuộc vùng duyên hải Đông Bắc sẽ thấy Ninh Bình có một vị trí đặc biệt quan trọng trong tam giác tăng trưởng du lịch Hà Nội – Quảng Ninh – Ninh Bình, khi đó Ninh Bình và Quảng Ninh sẽ trở thành các “đô thị du lịch vệ tinh ” của Hà Nội với một sản phẩm du lịch hấp dẫn – “ Hạ Long nước” và “ Hạ Long cạn” là một điểm đến quan trọng và hấp dẫn trong hành trình “ Kết nối các kinh đô cổ” của các trương trình du lịch tham quan “du lịch về cội nguồn dựng nước và giữ nước, tìm hiểu văn hóa và lịch sử” của dân tộc Việt Nam.

3.1.3. Định hướng phát triển du lịch Ninh Bình

3.1.3.1. Khách du lịch

Đối với chỉ tiêu về khách du lịch quốc tế: Trước đây, việc nghiên cứu dự báo khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình một mặt có tính đến bối cảnh phát triển

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

chung của cả nước như Việt Nam vừa trở thành thành viên ASEAN, Mỹ vừa bãi bỏ lệnh cấm vận và thiết lập ngoại giao với Việt Nam, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đang gia tăng rất nhanh...mặt khác cũng tính đến những yếu tố thuận lợi của Ninh Bình nói riêng như đa dạng tài nguyên, gần thủ đô Hà Nội-trung tâm du lịch của toàn vùng Bắc Bộ...Đây là những yếu tố thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của du lịch Ninh Bình. Đặc biệt, trong thời gian qua, do chính sách về xuất nhập cảnh do đơn giản hóa thủ tục đối với 1 số thị trường khách quốc tế...Do vậy số lượng khách quốc tế đến Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng tăng nhanh, yếu tố này trong quy hoạch trước đây chưa lường trước được. Vì yếu tố đó nên số khách quốc tế đến Ninh Bình tăng nhanh, có những giai đoạn còn tăng nhanh hơn dự báo trước đây.

Trong 5 năm gần đây 2000 – 2005, khách du lịch đến Ninh Bình tăng trưởng khá cao, đạt trung bình 24,3%/năm (nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình). Trong vài năm tới đây, du lịch Ninh Bình vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng một số dự án phát triển các khu du lịch (Tràng An, Vân Long...), do vậy các sản phẩm du lịch đặc thù có chất lượng cao phục vụ cho khách du lịch vẫn còn thiếu, các yếu tố đột biến ít xảy ra. Để phù hợp với thực tế phát triển hiện nay và phù hợp với bối cảnh chung của cả nước, dự kiến điều chỉnh tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đến Ninh Bình trong giai đoạn này sẽ dao động trong khoảng 18 – 20%/năm. Giai đoạn sau năm 2010, các dự án xây dựng các khu du lịch đã dần hoàn thiện và đi vào ổn định, các sản phẩm du lịch sẽ đa dạng phong phú và có chất lượng sẽ thu hút nhiều hơn khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình. Dự kiến giai đoạn này tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 10 – 12%/năm.

Đối với chỉ tiêu về khách du lịch nội địa: Trong quy hoạch trước đây cũng đã nghiên cứu tính toán đến các yếu tố thuận lợi và hạn chế của Ninh Bình trong việc thu hút khách du lịch nội địa. Tuy nhiên trong thực tế phát triển, có một số yếu tố thuận lợi chưa được tính đến như Nhà nước thực hiện chế độ làm việc 5 ngày đối với người lao động , kinh tế phát triển ổn định nên đời sống người dân được tăng lên...do vậy nhu cầu đi du lịch của người dân là rất lớn. Các điểm du

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

lịch ở Ninh Bình đã trở thành những điểm du lịch tham quan du lịch cuối tuần rất lý tưởng thu hút thị trường khách du lịch nội địa từ Hà Nội và các tỉnh phụ cận... Với những thuận lợi đó, khách du lịch nội địa đến Ninh Bình ngày một nhiều với mức tăng trưởng khá cao (15,2%/năm giai đoạn 2000 – 2005) và cao hơn mức dự báo trước đây (14,2%/năm).

3.1.3.2. Chỉ tiêu về thu nhập du lịch

Thu nhập từ du lịch của một địa phương bao gồm tất cả các khoản thu mà do khách du lịch chi trả ở địa phương đó như: các khoản thu từ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, mua sắm và các dịch vụ khác như: Bru điện, Ngân hàng, Y tế, Bảo hiểm, dịch vụ vui chơi giải trí v.v... Việc tính toán thu nhập từ du lịch của một địa phương được căn cứ vào các chỉ tiêu chủ yếu như số lượt khách, ngày lưu trú trung bình, mức chi tiêu trung bình trong một ngày của một khách.

3.1.3.3. Chỉ tiêu về nhu cầu khách sạn

Việc định hướng xây dựng các loại hình khách sạn ở Ninh Bình cũng cần được dựa trên tính chất của các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, cũng như các thị trường khách du lịch. Ở Ninh Bình, khách du lịch thương mại cao cấp rất hạn chế, nên ở đây việc xây dựng các khách sạn cao cấp 4 – 5 sao cần được cân nhắc kỹ và tính toán hiệu quả về mọi mặt. Ninh Bình có lợi thế về du lịch tham quan, du lịch quá cảnh, du lịch cuối tuần, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng...; mặt khác thời gian lưu trú của khách du lịch không dài, nên cần định hướng xây dựng những khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế từ 2 – 3 sao, với quy mô vừa phải (tối đa không quá 100 phòng/khách sạn). Ngoài ra, cần xây dựng thêm các loại hình khách sạn khác đạt tiêu chuẩn như biệt thự vườn (ở khu du lịch thái miệt vườn Tam Điệp), bungalow, motel... để phục vụ đa dạng các đối tượng khách du lịch.

3.1.3.4. Chỉ tiêu về nhu cầu lao động trong du lịch

Căn cứ vào số lượng phòng khách sạn được dự báo ở trên, căn cứ vào chỉ tiêu lao động bình quân cho một phòng khách sạn của cả nước cũng như khu vực (trung bình 1 phòng có 1,5 – 1,6 lao động trực tiếp) và số lao động gián tiếp ngoài xã hội (1 lao động trực tiếp tương ứng với 2,0 – 2,2 lao động gián tiếp).

3.2. Những giải pháp

3.2.1. Bảo tồn và tôn tạo các di tích văn hóa – lịch sử vật thể và phi vật thể

Các di tích lịch sử văn hóa nói riêng và tài nguyên nhân văn nói chung có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Tuy vậy đặc trưng cơ bản của tài nguyên nhân văn là dễ bị tổn hại trước các tác động của con người và thiên nhiên, khó khôi phục lại được các giá trị ban đầu. Vì vậy phải có sự kết hợp hài hòa giữa khai thác và đầu tư tôn tạo nhằm giữ gìn được những bản sắc văn hóa dân tộc qua những sản phẩm du lịch.

Tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể là nền tảng, là cơ sở để thực hiện hoạt động du lịch. Vì vậy trước hết cần phải có ý thức bảo vệ, tuyên truyền giáo dục công dân có trách nhiệm bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa ở địa phương mình. Cần tăng cường mọi khả năng, kêu gọi nguồn lực vốn từ trung ương đến địa phương, từ các cơ quan hữu quan đến các tầng lớp nhân dân, từ các tổ chức trong nước đến các tổ chức ngoài nước để trùng tu tôn tạo các hạng mục công trình bị xuống cấp và xây dựng các hạng mục đã bị phá hủy. Việc trùng tu phải hợp lý nhằm giữ được nét kiến trúc ban đầu, việc xây dựng mới một số công trình phải có sự hòa hợp giữa kiến trúc mới và kiến trúc cũ. Đồng thời cũng không tách rời cảnh quan môi trường vì chính môi trường này lại hòa nhập tác động tới di tích và tạo ra những đặc điểm mới, những nét riêng biệt độc đáo của di tích. Nếu bị tách rời môi trường lịch sử vốn có từ khi mới xây dựng, di tích sẽ bị tước bỏ một phần giá trị và việc cảm thụ của du khách đối với di tích không còn trọn vẹn nữa.

Trong quá trình bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị văn hóa phi vật thể phải tôn trọng, giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống. Việc trùng tu các di tích lịch sử văn hóa và các cổ vật phải được tiến hành kịp thời, tránh việc xuống cấp nghiêm trọng mới trùng tu, vừa gây lãng phí, vừa làm giảm giá trị di tích và cổ vật.

Kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể trên cơ sở vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc vừa kết hợp có chọn lọc những tinh hoa của nhân loại. Đối với Ninh Bình cần có những nghiên cứu đánh giá, chọn

lọc kỹ lưỡng những giá trị văn hóa phi vật thể có thể đưa vào khai thác trong hoạt động du lịch.

Sản phẩm thủ công cần được bày bán tại các cửa hàng lưu niệm mang đặc trưng của Ninh Bình và cần được sản xuất nhiều hơn, đa dạng các sản phẩm hơn. Khôi phục xây dựng lại những làng nghề thủ công đã bị mai một.

Cần quan tâm giữ gìn, khôi phục và tạo ra các món ăn vừa dân dã vừa độc đáo phù hợp với khẩu vị của từng loại du khách nhưng lại mang được những nét riêng tiêu biểu của ẩm thực Ninh Bình.

Đối với các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống cần được giữ gìn, phục hồi, phát huy đặc biệt là nghệ thuật hát chèo của người Ninh Bình.

Công việc trùng tu, tôn tạo phải giữ được cảnh quan xung quanh, vệ sinh môi trường không bị ô nhiễm, không làm ảnh hưởng tới môi trường xã hội ở nơi có các tài nguyên.

3.2.2. Đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo

Sản phẩm du lịch gần nhau thường giống nhau gây nên sự nhàm chán không hấp dẫn được du khách. Cần nghiên cứu đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng, giàu tính địa phương phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của khách du lịch.

Để du lịch Ninh Bình ngày càng hấp dẫn, thu hút được đông đảo du khách gần xa, ngoài việc quy hoạch khoa học những điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, những giải pháp cho việc tổ chức bộ máy quản lý về du lịch và những vấn đề có liên quan, việc đề ra những giải pháp cho môi trường tại điểm đến xanh-sạch-đẹp cần phải có chiến lược đa dạng hóa chất lượng sản phẩm du lịch tại đây. Sản phẩm du lịch tại Ninh Bình không những đa dạng về số lượng, chủng loại mà cần phải được nâng cao về cả chất lượng. Trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt việc tạo ra một sản phẩm dịch vụ du lịch mang tính đặc trưng độc đáo có giá trị rất lớn trong việc hấp dẫn du khách. Tuy vậy trên thực tế sản phẩm du lịch Ninh Bình vẫn còn thiếu, đơn điệu về chủng loại, chưa thực sự hấp dẫn được du khách. Vì vậy nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ninh Bình. Dưới đây là một số giải pháp

nhằm tạo ra sự hấp dẫn cho sản phẩm du lịch Ninh Bình:

- Trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, quy hoạch phát triển phù hợp với phạm vi lãnh thổ và môi trường xung quanh.
- Các lễ hội cần được kéo dài hơn để du khách có thể tham dự được nhiều hơn vào các nghi lễ cũng như những trò chơi để kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Phần hội của các lễ hội cần được đa dạng hơn các trò chơi cho tất cả mọi người đều có thể tham gia.
- Các sản phẩm thủ công truyền thống phải đa dạng, phong phú hơn cả về số lượng và chất lượng.

3.2.3. Tuyên truyền quảng cáo cho các tài nguyên du lịch nhân văn và sản phẩm du lịch văn hóa

Đầu tư cho công tác nghiên cứu, định hướng thị trường khách du lịch luôn là việc làm cần thiết. Từ đó mới có thể đưa ra các phương thức tuyên truyền quảng bá phù hợp, góp phần tiêu thụ nhanh chon các sản phẩm du lịch , tăng nhanh hiệu quả kinh doanh du lịch. Tuy nhiên cần đưa vào nội dung tuyên truyền quảng bá có trách nhiệm.

Huy động vốn của các doanh nghiệp du lịch và vốn ngân sách nhà nước cho công tác quảng cáo các sản phẩm du lịch đặc thù của Ninh Bình: khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm, làng cói mỹ nghệ Kim Sơn, nghề chế tác đá ở Ninh Vân, đặc sản Thịt Dê-Cơm cháy... bằng các loại hình quảng cáo: xuất bản tờ rơi tập gấp , sách mỏng, băng hình, truyền thanh, truyền hình, quảng cáo tấm lớn tại các điểm công cộng quan trọng, triển lãm, hội chợ...

3.2.4. Tập trung vào một số dự án ưu tiên đầu tư để khai thác tốt hơn và có hiệu quả tài nguyên nhân văn ở Ninh Bình

Để tạo đà cho du lịch Ninh Bình phát triển nhanh mạnh và bền vững trong những năm tới, ngành du lịch cần lập kế hoạch, triển khai những định hướng ưu tiên trên.

❖ Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

- Dự án 1: Khu trung tâm TP Ninh Bình, cố đô Hoa Lư
- Dự án 2: Khu du lịch Tam Cốc Bích Động và phụ cận

- Dự án 3: Tổ chức điều hành các tuyến du lịch nội tỉnh
- Dự án 4: Phát triển cum di tích nhà thờ đá và các cơ sở dịch vụ ven sông

Kim Sơn

- Dự án 5: Dự án du lịch ven biển Côn Thoi – Hòn Nẹ
- Dự án 6: Khai thác du lịch vườn quốc gia Cúc Phương
- Dự án 7: Dự án điểm nước nóng Kỳ Phú
- Dự án 8: Khai thác du lịch suối Kênh Gà và phụ cận

3.2.5. Xây dựng các công trình kiến trúc

Triển khai lập, xét duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực trọng điểm, trên cơ sở đó xây dựng các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn. Trong đó đặc biệt quan tâm lập và xét duyệt các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp phục hồi các di tích lịch sử văn hóa cho các khu du lịch trọng điểm. Trước mắt ưu tiên khu di tích Cố đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm, đền vua Đinh, đền vua Lê, tạo động lực cho đầu tư phát triển tiếp theo một cách hiệu quả.

Phải tiến hành xây dựng những quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch. Bất kỳ một bản quy hoạch lãnh thổ nào cũng vậy việc xác định không gian lãnh thổ là phần việc quan trọng và cần thiết, xác định xem không gian của khu di tích đến đâu, vùng ảnh hưởng như thế nào, đối tượng liên quan và xác định không gian lãnh thổ đó thuộc địa phận nào. Vì vậy ban quản lý quy hoạch du lịch cũng như ban quản lý di tích cần phải xác định khu vực bảo vệ nghiêm ngặt cũng như bảo vệ cảnh quan ở những vùng nhìn thấy của các di tích lịch sử. Nên có một vành đai bao quanh các khu di tích để dựa vào đây hình thành các điểm du lịch, xây dựng một vành đai bảo vệ các điểm du lịch.

Khi xây dựng các công trình kiến trúc phải sử dụng những công cụ tài chính để thưởng, phạt, giám sát các hoạt động xây dựng tại Ninh Bình. Kiểu dáng và vật liệu xây dựng các công trình phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc bản địa, tránh tạo kiểu dáng, vật liệu kiến trúc xung đột giữa kiến trúc với cảnh quan và kiến trúc văn hóa bản địa.

Giao thông cũng là một vấn đề quan trọng trong quy hoạch du lịch. Cần

ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH

phải xây dựng trên các đường phố nhất là những nơi có tài nguyên nhân văn những vành đai cây xanh bao quanh với mục đích làm trong lành khí hậu, tạo môi trường xanh-sạch-đẹp hài hòa với các di tích kiến trúc cổ. Bên cạnh đó có thể xây dựng thêm các vườn hoa, công viên nhỏ trong phố làm nơi nghỉ ngơi vui chơi của người dân và du khách. Mở rộng và hiện đại hóa các quốc lộ như quốc lộ 1A, 12B và các con đường trực tiếp dẫn vào các khu di tích.

Sử dụng vốn công ích trong việc xây dựng các công trình công cộng, bến bãi, kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường.

Sử dụng tài nguyên đất một cách tiết kiệm, dành phần cho tương lai bằng cách giữ lại nhiều đất cho cây xanh, thảm cỏ. Không gian của các công trình phải là không gian thống nhất, không bị chia vụn, tránh những diện tích thiếu ánh sáng tự nhiên và không có không khí lưu thông.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Như vậy để Ninh Bình mãi xứng đáng là kinh đô của nước Đại Việt xưa, một thời đại anh hùng vang son, để nơi đây luôn hấp dẫn du khách và phát triển bền vững. Cần phải có những định hướng đúng đắn, rõ ràng và những giải pháp ngắn hạn cũng như dài hạn cho hoạt động du lịch ngày càng có hiệu quả hơn mà vẫn không làm mất đi giá trị đích thực của các tài nguyên nhân văn vốn đã tồn tại từ bao đời nay. Trên đây là một số giải pháp và định hướng xin trình bày để tham khảo góp phần cho chiến lược phát triển du lịch bền vững tại những điểm du lịch có nguồn tài nguyên nhân văn của tỉnh Ninh Bình.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu đánh giá nguồn tài nguyên nhân văn tỉnh Ninh Bình. Chúng ta có được cái nhìn tổng quan hơn về ngành du lịch của địa phương. Với tiềm lực dồi dào du lịch Ninh Bình sẽ phát triển mạnh mẽ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển du lịch của vùng và cả nước.

Thực hiện khóa luận này bản thân tác giả đã tìm hiểu được một số vấn đề như sau:

- Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về tài nguyên du lịch nhân văn
- Điều tra, đánh giá được các tài nguyên nhân văn của tỉnh Ninh Bình: Các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống, các làng nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian và văn hóa ẩm thực.
- Đánh giá được những hạn chế trong việc sử dụng và khai thác những tài nguyên nhân văn của tỉnh Ninh Bình, thực trạng hoạt động du lịch của tỉnh.
- Đưa ra các giải pháp cho việc sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn.

Tuy nhiên trong đề tài này, do tác giả lần đầu tiên làm quan với công tác nghiên cứu nên còn nhiều hạn chế và thiếu sót, rất mong có được sự quan tâm, đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô và các bạn để có được cách hiểu toàn diện và sâu sắc hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo quy hoạch tổng thể du lịch Ninh Bình 2007 – 2015, Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình.
2. Danh sách các lễ hội, Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình.
3. Nguyễn văn Trò, Cố đô Hoa Lư, Nhà xuất bản văn hóa dân tộc năm 2010.
4. Kỷ yếu lễ hội Cố đô Hoa Lư năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
5. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển điểm du lịch, nhà xuất bản Giáo dục, 2006
6. Bùi Thị Hải Yến, Tài nguyên du lịch, nhà xuất bản Giáo dục.
7. Luật du lịch, nhà xuất bản Lao động, Quốc hội, 2006
8. Nguyễn Minh Tuệ, Cơ sở địa lý du lịch
9. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2003
10. Weside
Google.com.vn
www.ninhbinh.gov.vn
www.amthucvietnam.com

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
PHẦN NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1. Du lịch và tài nguyên du lịch	6
1.1.1. Quan niệm về Du lịch	6
1.1.2. Quan niệm về tài nguyên du lịch	6
1.1.2.1. Quan niệm về tài nguyên.....	6
1.1.2.2. Quan niệm về tài nguyên du lịch	7
1.1.3. Tài nguyên du lịch nhân văn	9
1.1.3.1. Định nghĩa Tài nguyên du lịch nhân văn	9
1.1.3.2. Đặc điểm của Tài nguyên du lịch nhân văn	9
1.1.3.3. Phân loại tài nguyên nhân văn	10
1.2. Điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn.....	15
TIỂU KẾT CHƯƠNG I	18
CHƯƠNG 2. ĐIỀU TRA VÀ ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TỈNH NINH BÌNH	19
2.1. Khái quát về tỉnh Ninh Bình	19
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	19
2.1.2. Lịch sử phát triển của Ninh Bình	20
2.1.3. Con người Ninh Bình	22
2.1.4. Văn hóa Ninh Bình.....	23
2.2. Điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn tỉnh Ninh Bình	24
2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa.....	24
2.2.2. Lễ hội.....	30
2.2.3. Nghệ thuật ẩm thực	33
2.2.4. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống	38
2.2.5. Nghệ thuật dân gian truyền thống	41
2.3. Thực trạng hoạt động du lịch	46

2.4. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tỉnh Ninh Bình.....	47
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	59
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN NINH BÌNH	60
3.1. Định hướng phát triển du lịch Ninh Bình	60
3.1.1. Vị trí du lịch Ninh Bình trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.....	60
3.1.2. Vị trí, vai trò du lịch Ninh Bình đối với du lịch cả nước	61
3.1.3. Định hướng phát triển du lịch Ninh Bình	62
3.1.3.1. Khách du lịch	62
3.1.3.2. Chỉ tiêu về thu nhập du lịch	64
3.1.3.3. Chỉ tiêu về nhu cầu khách sạn.....	64
3.1.3.4. Chỉ tiêu về nhu cầu lao động trong du lịch	64
3.2. Những giải pháp.....	65
3.2.1. Bảo tồn và tôn tạo các di tích văn hóa – lịch sử vật thể và phi vật thể....	65
3.2.2. Đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo	66
3.2.3. Tuyên truyền quảng cáo cho các tài nguyên du lịch nhân văn và sản phẩm du lịch văn hóa	67
3.2.4. Tập trung vào một số dự án ưu tiên đầu tư để khai thác tốt hơn và có hiệu quả tài nguyên nhân văn ở Ninh Bình.....	67
3.2.5. Xây dựng các công trình kiến trúc	68
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	69
KẾT LUẬN	70
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71